

Sách hướng dẫn để yêu cầu bảo hiểm tai nạn lao động < Phần 2 >

Khát quát về trợ cấp bảo hiểm tai nạn lao động

Nội dung của trợ cấp bảo hiểm các loại

Bảo hiểm tai nạn lao động được áp dụng đối với cả lao động nước ngoài bất kể quốc tịch, nếu họ đang làm việc tại Nhật Bản. Không những người lao động có tư cách cư trú lao động, mà còn các du học sinh đã gặp tai nạn trong thời gian làm thêm cũng là đối tượng được áp dụng bảo hiểm này.

Sách hướng dẫn này trình bày khai quát về việc trợ cấp bảo hiểm tai nạn lao và nội dung của mỗi trợ cấp bảo hiểm.

Nếu các bạn muốn biết chi tiết về điều kiện chi trả ...vv. thì xin vui lòng liên hệ với Bộ phận Giám sát Tiêu chuẩn Lao động. Ngoài ra xin lưu ý rằng cũng có loại trợ cấp mà nếu người lao động quay về nước thì sẽ không được nhận.

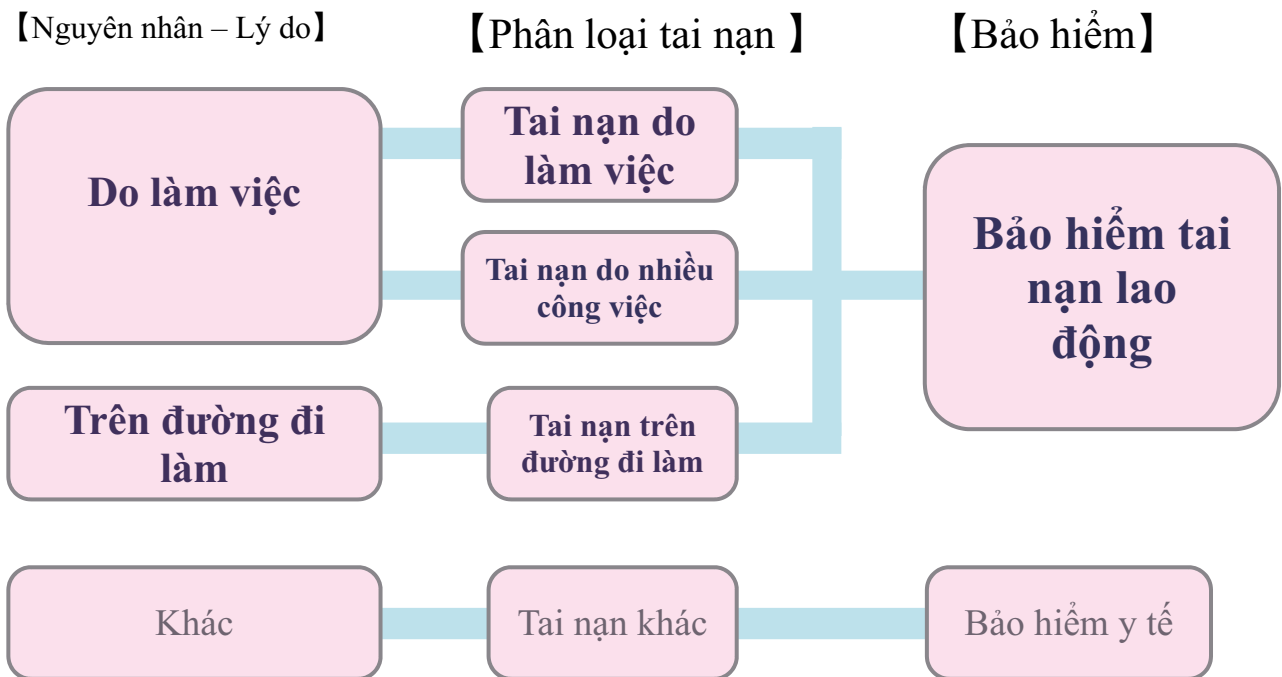
[Mục lục]

Khái quát về trợ cấp bảo hiểm tai nạn lao động	•••••	P 2
Trợ cấp bồi thường điều trị v.v.	•••••	P14
Trợ cấp (bồi thường) nghỉ làm v.v.	•••••	P16
Trợ cấp (bồi thường) thương tật và bệnh tật v.v.	•••••	P17
Trợ cấp (bồi thường) tàn tật v.v.	•••••	P18
Trợ cấp (bồi thường) người thân, chi phí mai táng v.v.	•••••	P26
Trợ cấp (bồi thường) điều dưỡng v.v.	•••••	P33
Ví dụ cách viết	•••••	P36



Khái quát về trợ cấp bảo hiểm tai nạn lao động

Bảo hiểm tai nạn lao động là chế độ trợ cấp bảo hiểm cần thiết ví dụ như phí điều trị ...v.v khi người lao động bị thương, bị bệnh, hoặc tử vong mà nguyên nhân do làm việc hoặc trên đường đi làm. Bảo hiểm tai nạn lao động được áp dụng đối với cả người nước ngoài, chỉ cần đang làm việc tại Nhật Bản.



※ Không thể sử dụng bảo hiểm y tế cho trường hợp bị tai nạn lao động

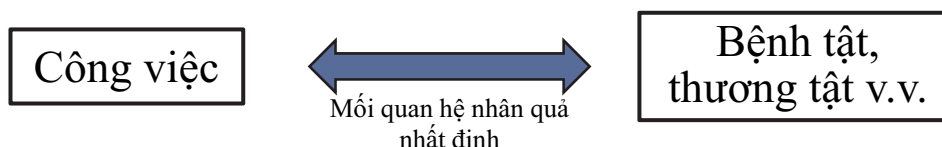
Các loại trợ cấp bảo hiểm lao động

- ◆ Trợ cấp (bồi thường) điều trị v.v.: Trợ cấp nhận được khi người lao động bị thương, bị bệnh do công việc hoặc trên đường đi làm gây ra và cần phải điều trị.
- ◆ Trợ cấp (bồi thường) nghỉ làm v.v.: Không nhận được tiền lương vì phải nghỉ làm để điều trị các thương tật và bệnh tật xảy ra trên đường đi làm hoặc do công việc thì sẽ được chi trả bồi thường nghỉ làm.
- ◆ Trợ cấp hàng năm (bồi thường) bệnh tật và thương tật v.v.: Trợ cấp trong trường hợp sau khi bắt đầu điều trị bệnh tật hoặc thương tật xảy ra vì việc làm hoặc trên đường đi làm, đã được 1 năm 6 tháng nhưng vẫn chưa bình phục (tình trạng ổn định) và cấp độ tàn tật thuộc cấp độ của bệnh tật và thương tật.
- ◆ Trợ cấp tàn tật (bồi thường) v.v.: Trong trường hợp bệnh tật hoặc thương tật do việc làm hoặc trên đường đi làm gây ra đã bình phục (tình trạng ổn định), nhưng sẽ được trợ cấp nếu Còn lại tàn tật thuộc cấp độ tàn tật.
- ◆ Trợ cấp (bồi thường), người thân v.v.: Trợ cấp khi người lao động tử vong.
- ◆ Trợ cấp mai táng (Chi trả tiền tang lễ): Trợ cấp trong trường hợp người lao động tử vong và mai táng.
- ◆ Trợ cấp (bồi thường) điều dưỡng v.v.: Trợ cấp trong trường hợp đang được chăm sóc điều dưỡng vì có tàn tật nhất định thuộc đối tượng trợ cấp hàng năm (bồi thường) tàn tật v.v., hoặc thuộc đối tượng trợ cấp hàng năm (bồi thường) bệnh tật v.v. cho khuyết tật nhất định.

【 Định nghĩa của từ ngữ① 】

Tai nạn lao động

Tai nạn lao động là các thương tật (bị thương, bệnh tật, tàn tật, tử vong v.v.) xảy ra ở người lao động do thực hiện công việc.



- Có mối quan hệ nhân quả giữa công việc và bệnh tật, thương tật v.v. được gọi là “do thi hành công việc”.
- Là người sử dụng lao động và giám đốc không phải người lao động thì theo nguyên tắc sẽ không được bồi thường.

◇ **Bệnh tật, thương tật do thi hành công việc**

Những tai nạn nào được công nhận là tai nạn lao động thì suy nghĩ theo ba trường hợp sau đây.

<1> **Trong trường hợp đang làm việc ở cơ sở của doanh nghiệp**

Trong trường hợp người lao động làm việc tại cơ sở doanh nghiệp trong thời gian làm việc quy định hoặc trong thời gian làm việc ngoài giờ thì ngoại trừ những trường hợp có hoàn cảnh đặc biệt sẽ được công nhận là tai nạn lao động.

※ **Các trường hợp dưới đây không được công nhận là tai nạn lao động.**

- ① Bị tai nạn do người lao động làm việc riêng trong thời gian làm việc.
- ② Người lao động cố ý gây ra tai nạn.
- ③ Người lao động là nạn nhân của hành động bạo lực từ người thứ ba do tư thù cá nhân, v.v...

<2> Trong trường hợp không thi hành công việc ở trong cơ sở của doanh nghiệp

Trong trường hợp trên thực tế không thi hành công việc vào thời gian giải lao, trước hoặc sau giờ làm việc, những tai nạn do làm việc riêng gây ra thì không được công nhận là tai nạn lao động. Tuy nhiên, những tai nạn xảy ra do cơ sở thiết bị của doanh nghiệp, hoặc do tình trạng quản lý của doanh nghiệp được công nhận là tai nạn lao động. Mặt khác, tai nạn xảy ra khi có hoạt động chức năng sinh lý, đi vệ sinh là một ví dụ, được coi là tai nạn lao động.

<3> Trường hợp thi hành công việc ở ngoài cơ sở doanh nghiệp

Về việc người lao động đi công tác hoặc đi bán hàng, ngoài trừ những trường hợp có làm việc riêng tích cực vì có hoàn cảnh đặc biệt, thì sẽ được công nhận là tai nạn lao động.

◇ Bệnh tật do thi hành công việc là gì?

Trong trường hợp đáp ứng được ba điều kiện dưới đây, về nguyên tắc, sẽ được công nhận là bệnh tật do thi hành công việc.

<1> Có những yếu tố có hại ở nơi làm việc

Đây là trường hợp có những yếu tố vật lý, hóa chất có hại, hoặc những động tác nặng quá mức trong công việc.

(Ví dụ) Chất amiăng (asbestos)...v.v.

<2> Phải tiếp xúc với yếu tố có hại đến mức có thể gây trở ngại đến sức khỏe

<3> Quá trình phát bệnh, tiến triển bệnh trạng phải thỏa đáng khi nhìn từ góc độ y học

Bệnh tật do thi hành công việc, phát sinh ra khi người lao động tiếp xúc với những yếu tố có hại tồn tại trong công việc. Do vậy, bệnh tật đó phải phát sinh ra sau khi tiếp xúc với yếu tố có hại. Thời gian phát sinh khác nhau tùy theo tính chất của yếu tố có hại và điều kiện tiếp xúc.

【 Định nghĩa của từ ngữ ② 】

Tai nạn do nhiều công việc

Tai nạn do nhiều công việc là thương tích hoặc bệnh tật được coi là do nhân viên làm nhiều doanh nghiệp làm việc tại nhiều doanh nghiệp. Các chấn thương và bệnh tật v.v. được đề cập bao gồm các bệnh về não hoặc tim và rối loạn tâm thần.

◇ Nhân viên làm nhiều doanh nghiệp

Một nhân viên làm nhiều doanh nghiệp là một nhân viên được sử dụng đồng thời ở nhiều nơi làm việc không thuộc cùng một chủ khi thương tật hoặc bệnh tật, v.v. xảy ra.

※ Nhân viên làm một doanh nghiệp: một nhân viên chỉ được sử dụng tại một nơi làm việc

◇ Chứng nhận tai nạn do nhiều công việc

Gánh nặng việc làm (giờ làm việc và căng thẳng, v.v.) từ nhiều nơi làm việc được đánh giá một cách toàn diện, và đánh giá xem nó có thể được công nhận là một tai nạn lao động hay không. Cũng có trường hợp gánh nặng công việc được đánh giá là chỉ đến từ một nơi làm việc và được công nhận là do công việc đó gây ra cho nhân viên làm nhiều doanh nghiệp, sẽ được coi là tai nạn lao động như trong các trường hợp thông thường.

→Xem trang 10, 11

【 Định nghĩa của từ ngữ ③ 】

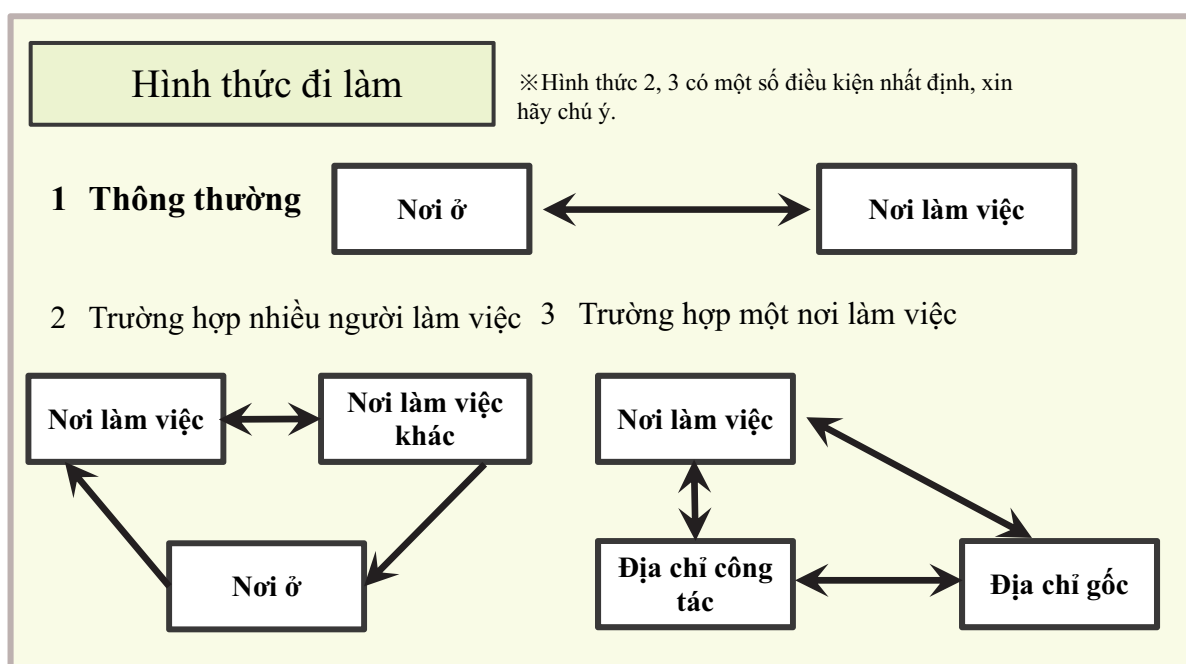
Tai nạn trên đường đi làm

Tai nạn trên đường đi làm là các thương tật và bệnh tật của người lao động khi “Đi làm”.

◇ Đi làm

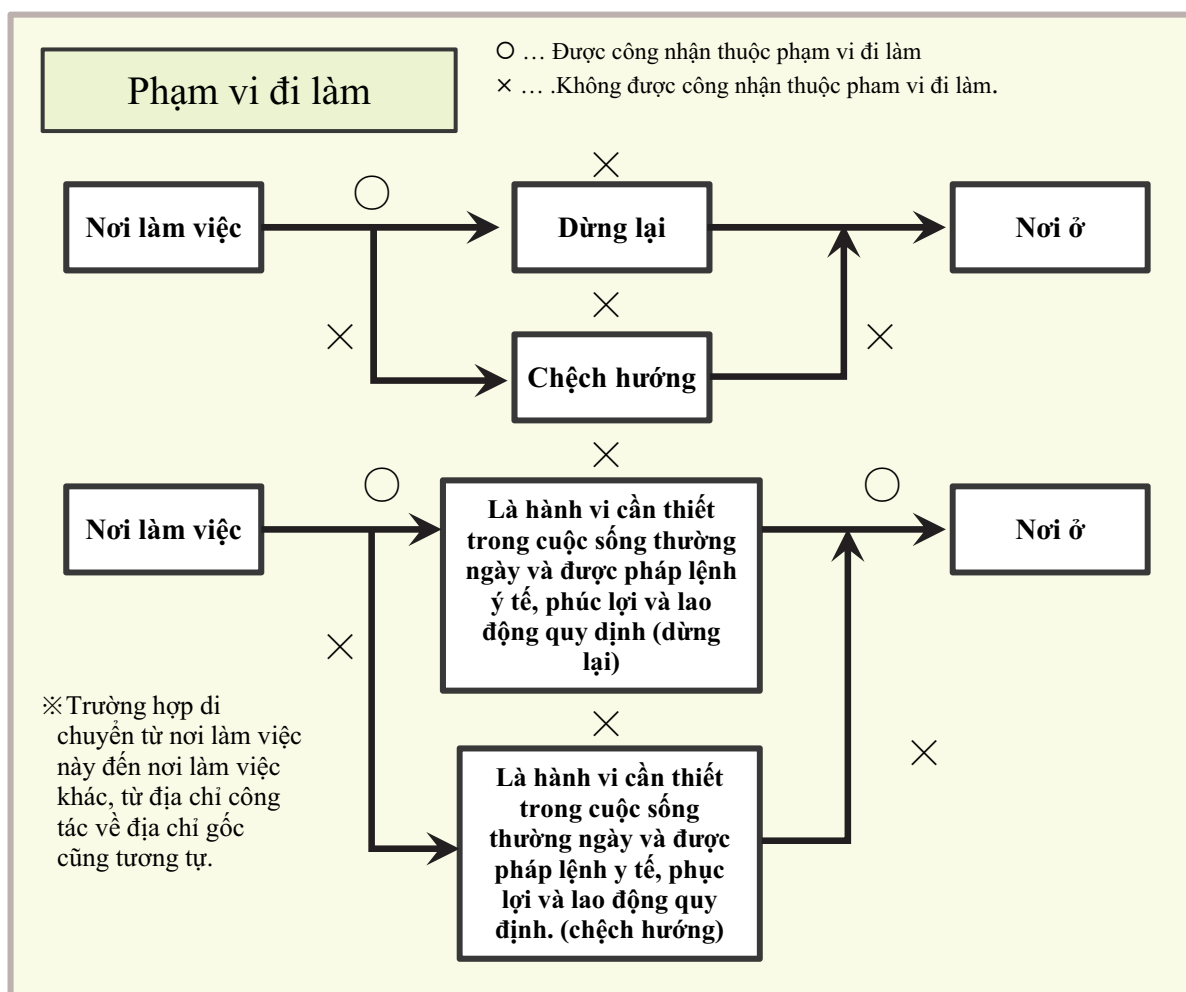
Là việc người lao động di chuyển theo ① ~ ③ để làm việc với lộ trình và phương pháp hợp lý.

- ① Đi lại giữa nơi sinh sống và nơi làm việc. (Nơi bắt đầu và chấm dứt công việc)
- ② Di chuyển từ nơi làm việc này đến nơi làm việc khác theo quy định của pháp lệnh ý tế, phúc lợi và lao động. (di chuyển giữa nhiều nơi làm việc)
- ③ Di chuyển giữa nhà ở tại nơi được bổ nhiệm công tác và nơi ở gốc của người lao động.



◇ Phạm vi đi làm

Nếu chệch hướng hoặc dừng lại con đường di chuyển đi đoạn chệch hướng, hoặc dừng lại và phạm vi di chuyển tiếp theo không được công nhận thuộc phạm vi đi làm. Tuy nhiên, trường hợp mua đồ tiêu dùng hàng ngày hoặc có những hành vi tương tự khác trong phạm vi giới hạn tối thiểu, và sau đó đã quay trở lại con đường hợp lý thì lại được công nhận thuộc phạm vi đi làm.



◇ Số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày là gì?

Số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày, về nguyên tắc là giá trị tương ứng với số tiền lương trung bình. (Điều 12 Luật Tiêu chuẩn lao động)

Tiền lương trung bình, về nguyên tắc là giá trị nhận được của tổng tiền lương chi trả cho lao động đó chia cho tổng số ngày trong thời gian 3 tháng (bao gồm cả ngày nghỉ) trước ngày xảy ra sinh lý do phải tính tiền lương trung bình※.

Tiền lương được lấy làm căn cứ để tính toán tiền lương trung bình là phần được người sử dụng lao động trả cho người lao động xem như thù lao lao động mà không liên quan đến tên gọi của nó.

Tuy nhiên phần tiền lương được trả theo từng chu kỳ trên 3 tháng như tiền lương đột xuất, như trợ cấp kết hôn hay tiền thưởng mỗi năm... sẽ không được tính và tiền lương trung bình.

Về nguyên tắc, số tiền trợ cấp cơ bản hàng ngày trả cho những công nhân làm việc nhiều nơi bằng tổng số tiền trợ cấp cơ bản hàng ngày từ nhiều nơi làm việc

※ Là ngày xảy ra tai nạn gây ra thương tích, tử vong hoặc ngày xác định mắc bệnh theo chẩn đoán của bác sỹ. Trường hợp có quy định ngày hết hạn tiền lương thì lấy ngày hết hạn tiền lương ngay trước ngày phát sinh lý do tính toán.

[Ngoại lệ]

① Các trường hợp được cho là không thích hợp với việc lấy giá trị tương đương của tiền lương trung bình để làm số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày thì áp dụng ngoại lệ trong phương pháp tính toán số tiền trợ cấp theo ngày.

(a) Trong thời gian tính toán lương trung bình có khoảng thời gian nghỉ trị bệnh đối với các loại thương tật không liên quan đến công việc.

(b) Bệnh nhân bị bệnh bụi phổi đã chuyển sang công việc khác ngoài công việc liên quan đến bụi...v.v.

(c) Other

② Về trợ cấp (bồi thường) v.v. nghỉ làm, nếu đã quá 1 năm 6 tháng kể từ khi bắt đầu điều trị thì sẽ được áp dụng mức giới hạn tối thiểu và mức giới hạn tối đa theo độ tuổi.

Còn số tiền trợ cấp hàng năm, sẽ áp dụng mức giới hạn tối thiểu và mức giới hạn tối đa theo độ tuổi ngay từ tháng đầu tiên được chi trả trợ cấp hàng năm.

Ví dụ tính toán số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày

(ví dụ 1)

Trường hợp mức lương tháng là 200.000 yên (ngày hết hạn tiền lương là ngày cuối mỗi tháng) và ngày gặp tai nạn là tháng 10.

$200.000 \text{ yên} \times 3 \text{ tháng} \div 92 \text{ ngày (Tháng 7 (31 ngày) + Tháng 8 (31 ngày) + tháng 9 (30 ngày))} \doteq 6.522 \text{ yên}$

(Ví dụ 2)

Trong trường hợp một công nhân làm việc tại hai công ty được công ty A trả lương hàng tháng 200.000 yên và công ty B trả lương hàng tháng 100.000 yên (kết thúc tính lương tính đến ngày cuối tháng). Tai nạn xảy ra vào tháng 7.

Số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày của công ty A

$(200.000 \text{ yên}) \times 3 \text{ tháng} \div 91 \text{ ngày [tháng 4 (30 ngày) + tháng 5 (31 ngày) + tháng 6 (30 ngày)]} = 6.593,40 \text{ yên}$

Số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày của công ty B

$(100.000 \text{ yên}) \times 3 \text{ tháng} \div 91 \text{ ngày [tháng 4 (30 ngày) + tháng 5 (31 ngày) + tháng 6 (30 ngày)]} = 3.296,70 \text{ yên}$

Tổng số tiền trợ cấp cơ bản hàng ngày

$6.593,40 \text{ yên} + 3.296,70 \text{ yên} \doteq 9.891 \text{ yên}$

※ Trong “tiền lương” nêu trên không bao gồm tiền lương chi trả đột xuất và tiền lương được chi trả theo từng giai đoạn trên 3 tháng.

Ngoài ra, “tiền lương được chi trả theo từng giai đoạn trên 3 tháng” như tiền thưởng...v.v. được phản ánh trong “số tiền tính toán cơ bản theo ngày” trong trường hợp có quy định về mức trợ cấp hàng năm đặc biệt cho gia đình người bị nạn.

◇ Số tiền tính toán cơ bản theo ngày là gì?

Số tiền tính toán cơ bản theo ngày, về nguyên tắc là thương số giữa tổng giá trị tiền lương đặc biệt trong 1 năm, (được coi là số tiền tính toán cơ bản theo năm) và 365 (số ngày trong lịch tính cả ngày nghỉ), bắt đầu tính từ ngày trước khi xảy ra tai nạn gây ra thương tích, tử vong do công việc hoặc trên đường đi làm, hoặc ngày xác định mắc bệnh theo chẩn đoán của bác sĩ.

Tiền lương đặc biệt là tiền lương chi trả theo từng thời gian trên 3 tháng đã được trừ ra mức lương cơ bản tính toán của số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày. (Không bao gồm tiền lương chi trả đột xuất như trợ cấp kết hôn)

Ngoài ra trường hợp tổng giá trị tiền lương đặc biệt vượt quá mức tương đương 20% số tiền trợ cấp cơ bản theo năm (giá trị tương đương 365 ngày của số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày) thì mức lương tương đương 20% số tiền trợ cấp cơ bản theo năm sẽ được trở thành mức tính toán cơ bản theo năm. (Tuy nhiên số tiền không vượt quá 1.500.000 yên).

Về nguyên tắc, số tiền trợ cấp hàng ngày cơ bản trả cho công nhân làm việc nhiều nơi bằng tổng số tiền trợ cấp hàng năm cơ bản từ nhiều nơi làm việc chia cho 365.

【Điều kiện công nhận từng bệnh tật ①】

Bệnh về não - tim

"Bệnh mạch máu não" như nhồi máu não hoặc "bệnh tim" như nhồi máu cơ tim chủ yếu do việc biến đổi mạch máu... là cơ sở cho sự khởi phát bệnh dần dần xấu đi bởi các yếu tố khác nhau của sinh hoạt thường ngày như tuổi tác, thói quen sinh hoạt, môi trường sinh hoạt và các yếu tố vốn có trong mỗi cá nhân như di truyền nhưng cũng có trường hợp phát sinh vì nguyên nhân chính là công việc.

Bệnh tật về não – tim ...v.v. Phát sinh bệnh do “Áp lực công việc quá mức” thuộc đối tượng bồi thường tai nạn lao động

<Các bệnh đối tượng>

○ Bệnh mạch máu não

• Xuất huyết não

• Xuất huyết dưới màng nhện

• Nhồi máu não

• Bệnh tăng huyết áp

○ Bệnh tim mạch vành

• Nhồi máu cơ tim

• Đau thắt ngực

• Ngừng tim (Gồm cả đột tử do tim)

• Suy tim nghiêm trọng

• Tách thành động mạch chủ

【Điều kiện công nhận tai nạn lao động】

Trường hợp phù hợp với các điều kiện sau đây thì sẽ được công nhận là tai nạn lao động.

1. Áp lực quá mức trong thời gian dài

Cố gắng thực hiện một công việc quá sức và kéo theo việc tích lũy sự mệt mỏi rõ rệt trong thời gian dài trước khi phát bệnh.

Trong bất kỳ trường hợp nào sau đây, (1) làm thêm giờ nói chung vượt quá 100 giờ trong 1 tháng trước khi phát bệnh, (2) làm thêm giờ trung bình hàng tháng nói chung vượt quá 80 giờ trong hai đến sáu tháng trước khi phát bệnh, hoặc (3) không thuộc (1) và (2) ở trên nhưng được công nhận là nhân tố gánh nặng (※) ngoài thời gian làm nhất định thêm vào việc làm thêm gắn với đó, thì có thể đánh giá rằng mối liên quan giữa công việc và phát bệnh nhiều.

2. Áp lực quá mức trong thời gian ngắn

Cố gắng thực hiện một công việc quá sức trong thời gian cận kề với thời gian phát bệnh.

(1) Trường hợp công việc từ thời điểm ngay trước khi phát bệnh đến trước ngày phát bệnh đặc biệt nặng nề.
(2) Mặc dù không được công nhận là công việc từ thời điểm ngay trước khi phát bệnh đến trước ngày phát bệnh đặc biệt nặng nề, nhưng nếu công việc nặng nề tiếp tục trong vòng 1 tuần thì có thể cho rằng có mối liên quan giữa công việc và phát bệnh.

Lưu ý rằng, nếu không thể xác định có quá tải hay không chỉ dựa trên độ dài thời gian làm việc, thì quyết định sẽ được đưa ra bằng cách xem xét toàn diện giờ làm việc và các nhân tố gánh nặng (*) khác ngoài giờ làm việc.

3. Sự kiện bất thường

Gặp sự kiện bất thường có thể làm rõ được tình trạng xảy ra về mặt thời điểm và địa điểm trong khi từ ngày trước khi phát bệnh đến ngày hôm trước.

Có thể thấy trong tình trạng gây ra gánh nặng căng thẳng tinh thần mức độ mạnh ví dụ như căng thẳng tột độ, phấn khích, sợ hãi, ngạc nhiên ..., tình trạng gây gánh nặng thể chất đột ngột và đáng kể, trường hợp gặp thay đổi đột ngột và mạnh mẽ trong môi trường làm việc ...

※ Thời gian làm việc không đều (làm việc có thời gian bó buộc dài, làm việc liên tục không có ngày nghỉ, làm việc thời gian giữa các lần làm việc ngắn, làm việc không thường xuyên/làm việc theo ca/làm việc về khuya), công việc kèm theo đi lại ngoài nơi làm việc (đi công tác nhiều, công việc khác kèm theo đi lại ngoài nơi làm việc), công việc kéo theo gánh nặng tâm lý, công việc kéo theo gánh nặng thể chất, môi trường làm việc (môi trường nhiệt độ, tiếng ồn) được xem xét như là các nhân tố gánh nặng do công việc

【Điều kiện công nhận từng bệnh tật ②】

Tổn thương tinh thần

Tổn thương tinh thần có thể dẫn đến phát bệnh do mối quan hệ giữa áp lực tâm lý stress và sức mạnh khả năng đáp ứng với áp lực tâm lý đó của cá nhân.

Trong trường hợp tổn thương tinh thần dẫn đến phát bệnh do áp lực tâm lý※ mạnh của công việc thì thuộc đối tượng bồi thường của tai nạn lao động.

※Áp lực tâm lý mạnh của công việc nói đến áp lực tâm lý mạnh có khả năng gây bệnh đối tượng một cách khách quan.

[Điều kiện công nhận tai nạn lao động]

Trường hợp đáp ứng tất cả các điều kiện dưới đây thì có thể công nhận là tai nạn lao động.

1. Phát bệnh tổn thương tinh thần thuộc đối tượng tiêu chuẩn công nhận

Là tổn thương tinh thần được phân loại ở chương 5 “Tổn thương tinh thần và hành động” bản sửa đổi lần thứ 10 (ICD-10) của Phân loại các Bệnh tật Quốc tế. (Không bao gồm sa sút tinh thần, tổn thương bộ não)

(Ví dụ) Bệnh trầm cảm, phản ứng stress cấp tính ...v.v.

2. Khoảng 6 tháng trước khi phát bệnh tổn thương tinh thần được công nhận là đã có áp lực tâm lý do công việc.

(Ví dụ)

- Khi gặp phải tai nạn mức độ khiến tự mình cảm thấy như sắp chết
- Khi bị cấp trên v.v. tấn công tinh thần rõ ràng là không cần thiết cho công việc, ví dụ như phủ nhận nhân cách hoặc con người
- Khi có thời gian làm việc dài ...v.v.

※Đối với vụ bắt nạt, quấy rầy tình dục diễn ra liên tiếp, nếu cái đó đã bắt đầu sớm hơn trước khi phát bệnh 6 tháng và tiếp tục diễn ra cho đến khi phát bệnh thì phải đánh giá áp lực tâm lý từ thời điểm bắt đầu.

3. Không được công nhận là đã phát bệnh tổn thương tinh thần do áp lực tâm lý ngoài công việc, hoặc do nguyên nhân của cá thể

Phán đoán thận trọng những sự việc riêng tư (ly hôn, sống riêng với vợ/chồng, vợ/chồng hay con cái, cha mẹ, anh chị em qua đời) có phải là nguyên nhân phát bệnh hay không.

Xác nhận có hay không và chi tiết nguyên nhân cá thể như tiền sử bệnh rối loạn tâm thần hay nghiện rượu, và nếu có nguyên nhân của cá thể, phán đoán thận trọng xem có phải là nguyên nhân phát bệnh hay không.

【Điều kiện công nhận từng bệnh tật ③】

Tổn thương cánh tay

Khi sử dụng cánh tay hoặc cẳng tay quá mức, có những lúc gây viêm ở cổ, vai, cánh tay, cẳng tay và ngón tay, và cũng có lúc gây ra bất thường ở khớp hoặc gân. Tổn thương cánh tay là trạng thái bị viêm, bất thường như vậy.

<Tên chẩn đoán tiêu biểu>

- Khuỷu tay quần vọt
- Hội chứng đường hầm khuỷu tay
- Hội chứng ống cổ tay
- Viêm khớp cổ tay
- Viêm gân
- Hội chứng đường hầm cổ tay
- mỗi ngón tay

[Điều kiện công nhận tai nạn lao động]

Trong trường hợp đáp ứng tất cả các điều kiện dưới đây thì được công nhận là tai nạn lao động.

1. Đã phát bệnh sau khi làm việc có động tác chính áp lực đến cánh tay...v.v. ※ trong thời gian tương đối dài (về nguyên tắc là trên 6 tháng.)

Các động tác thuộc đối tượng chính như sau

- ① Cho cánh tay lặp lại động tác giống nhau.
- ② Giữ trạng thái giờ cao lên cánh tay
- ③ Ràng buộc tư thế, ít cử động ở phần cổ, vai.
- ④ Một bộ phận nhất định như cánh tay...v.v..phải chịu áp lực thường xuyên

※ Cánh tay ...v.v. ※ chỉ phần gáy, phần cổ, phần xương vai và mặt sừng, cánh tay, cẳng tay, tay, ngón tay.

2. Đã thực hiện công việc nặng quá mức trước khi phát bệnh

Trong thời gian ngay trước khi phát bệnh 3 tháng, đã làm công việc gây áp lực đến cánh tay ..v.v. với hoàn cảnh như sau.

- Trường hợp khối lượng công việc tương đối đều đặn
Khối lượng công việc một ngày nhiều hơn 10% so với người lao động làm việc tương tự cùng giới tính, độ tuổi bằng nhau, cứ làm việc như vậy liên tục khoảng 3 tháng
- Trường hợp khối lượng công việc có sự chênh lệch.
 - ① Trên dưới 10 ngày trong 1 tháng thì khối lượng công việc 1 ngày nhiều hơn 20% số với ngày thường, tình trạng như vậy kéo dài 3 tháng. (Tổng khối lượng công việc của 1 tháng như thông thường cũng được.)
 - ② Trên dưới 10 ngày trong 1 tháng, khối lượng công việc làm trong thời gian 1 phần 3 của thời gian làm việc trong 1 ngày nhiều hơn 20 % có với thông thường, tình trạng như vậy kéo dài đến khoảng 3 tháng.
(Trung bình một ngày bằng nhau với thông thường cũng được)

※ Khi phán đoán người lao động đã làm công việc nặng quá mức hay không thì không những khối lượng công việc mà còn tính đến tình trạng sau đây.

- Giờ làm việc dài, làm liên tục, căng thẳng quá mức, phụ thuộc vào người ta, mức độ làm quá sức.
- Môi trường làm việc không thích hợp, áp lực cân nặng quá mức, phát huy sức mạnh quá mức.

3. Nhìn từ góc độ y học, tiến triển từ lúc thực hiện công việc nặng quá mức đến lúc phát bệnh có thể được công nhận là thỏa đáng.

【Điều kiện công nhận từng bệnh tật ④】

Đau lưng

Đau lưng thuộc đối tượng bồi thường tai nạn lao động là một trong hai loại được công nhận là cần điều trị từ góc độ y tế, mỗi loại đau lưng có quy định các điều kiện để áp dụng bảo hiểm tai nạn lao động như sau.

[Điều kiện công nhận tai nạn lao động]

1. Đau lưng do nguyên nhân mang tính chất tai nạn

Đau lưng do tổn thương .v.v. Đáp ứng một trong hai điều kiện sau đây.

- ① Có thể công nhận một cách rõ ràng về việc tổn thương ở lưng hoặc cú sốc mạnh gây ra tổn thương đó đã xảy ra do sự việc đột xuất trong quá trình làm việc.
- ② Có thể công nhận từ góc độ y tế về cú sốc mạnh gây phát bệnh, hoặc làm xấu đi rõ rệt tiền sử bệnh đau lưng, bệnh tật có sẵn.

2. Đau lưng không phải do nguyên nhân mang tính chất tai nạn

Đau lưng xảy ra ở người lao động làm việc gây áp lực đến lưng quá mức như vác đồ nặng, nhìn về mặt trạng thái và thời gian làm việc, có thể công nhận là đã phát bệnh do công việc.

Đau lưng không phải do nguyên nhân mang tính chất tai nạn được chia thành hai loại dựa theo nguyên nhân gây bệnh và phán đoán.

◇ Đau lưng do môi cơ .v.v...

Đau lưng phát bệnh do môi cơ v.v.. vì đã làm những công việc như dưới đây trong thời gian tương đối ngắn (khoảng trên 3 tháng) thuộc đối tượng bồi thường tai nạn lao động.

- Lặp lại động tác nâng vật nặng trên 20 ký hoặc đồ vật cân nặng khác nhau với tư thế khom lưng.
- Phải duy trì một tư thế rất căng thẳng đối với lưng mỗi ngày khoảng mấy tiếng đồng hồ.
- Duy trì một tư thế giống nhau, trong thời gian dài không đứng lên được.
- Tiếp tục làm công việc chịu chấn động rất mạnh vào lưng.

◇ Đau lưng do xương biến dạng

Phát bệnh đau lưng do biến dạng xương sau một thời gian khá dài (khoảng trên 10 năm) đã tiếp tục làm những công việc sử dụng vật nặng như sau thuộc đối tượng bồi thường tai nạn lao động.

- Sử dụng vật nặng trên 30 ký trong thời gian khoảng 1 phần 3 của thời gian làm việc.
- Sử dụng vật nặng trên 20 ký trong thời gian khoảng một nửa thời gian làm việc.

※ Để được công nhận đau lưng do biến dạng xương thuộc đối tượng bồi thường của tai nạn lao động thì sự biến dạng đó có giới hạn trong “trường hợp vượt hẳn mức độ biến dạng xương do tuổi già thông thường”

Trợ cấp (bồi thường) v.v. điều trị

Trường hợp người lao động bị thương hoặc bị bệnh tật do công việc hoặc trên đường đi làm gây ra và cần phải điều trị thì sẽ được trợ cấp bồi thường điều trị (trường hợp tai nạn lao động), trợ cấp y tế cho nhân viên làm nhiều doanh nghiệp (cho tai nạn do nhiều công việc) hoặc chi trả trợ cấp điều trị (trường hợp tai nạn trên đường đi làm) trong khoảng thời gian đến khi “bình phục”※ thương tật, bệnh tật đó.

Nội dung trợ cấp

Trợ cấp (bồi thường) v.v. điều trị có “trợ cấp điều trị” và “chi trả phí điều trị”.

- “Trợ cấp điều trị” là được chi trả bằng hiện vật, trong đó được điều trị miễn phí và được cấp thuốc điều trị từ các nhà thuốc, bệnh viện, cơ sở y tế v.v. dành cho tai nạn lao động (dưới đây gọi là các cơ sở y tế chỉ định.v.v.).
- “Chi trả chi phí điều trị” là chi trả bằng hiện kim trong đó được trả các chi phí điều trị trong trường hợp được điều trị tại các cơ sở y tế hoặc nhà thuốc ngoài các cơ sở y tế chỉ định với lý do không có cơ sở y tế chỉ định gần đó.

Phạm vi và thời gian điều trị của đối tượng được trợ cấp là như nhau.

Trợ cấp (bồi thường) v.v. điều trị gồm có các phần cần thiết để điều trị thông thường như chi phí chữa trị, phí nhập viện, phí chuyên viện.. và được thực hiện cho đến khi thương tật, bệnh tật bình phục (tình trạng ổn định).

◇ “Bình phục” là gì?

“Bình phục” trong bảo hiểm tai nạn lao động không phải chỉ nói đến tình trạng cơ quan và hệ thống trong cơ thể phục hồi hoàn toàn như trạng thái khỏe mạnh mà là nói đến tình trạng bệnh tật đã ổn định và không còn chờ đợi vào hiệu quả điều trị. (※1), dù có thực hiện các biện pháp điều trị đã được công nhận một cách phổ biến trong lĩnh vực y học (※2) (trạng thái “tình trạng ổn định”).

Do vậy, trong các trường hợp vẫn còn triệu chứng bệnh như “trường hợp triệu chứng bệnh được cho là chỉ bình phục tạm thời nhờ chữa trị bằng cách dùng thuốc hay vật lý trị liệu”, nếu được cho rằng không thể kỳ vọng thêm nữa vào kết quả điều trị thì bảo hiểm tai nạn lao động xem đó là “Bình phục” (tình trạng ổn định) và sẽ không được trợ cấp (bồi thường) v.v.

- (※ 1) “Các biện pháp điều trị đã được công nhận một cách phổ biến trong lĩnh vực y học” là các biện pháp điều trị được công nhận trong phạm vi điều trị của bảo hiểm tai nạn lao động (cơ bản sẽ căn cứ theo bảo hiểm y tế). Do đó, phương pháp điều trị trong giai đoạn thử nghiệm hoặc trong quá trình mang tính chất nghiên cứu sẽ không thuộc phạm vi điều trị này.
- (※ 2) “Tình trạng không còn chờ đợi vào hiệu quả điều trị” là tình trạng không thể chờ đợi hơn nữa vào sự phục hồi, cải thiện của bệnh tình.

Thủ tục yêu cầu

● Trường hợp yêu cầu trợ cấp điều trị

Thông qua các cơ sở y tế chỉ định v.v. mà mình điều trị để gửi đơn yêu cầu trợ cấp điều trị trong chi trả bồi thường điều trị và trợ cấp y tế cho nhân viên làm nhiều doanh nghiệp (mẫu số 5) hoặc đơn yêu cầu trợ cấp điều trị trong trợ cấp điều trị (phần 3 mẫu số 16) đến Bộ phận Giám sát Tiêu chuẩn lao động có thẩm quyền.

● Trường hợp yêu cầu chi phí điều trị

Gửi đơn yêu cầu chi phí điều trị trong trợ cấp bồi thường điều trị (mẫu số 7) hoặc đơn yêu cầu chi phí điều trị trong trợ cấp điều trị và trợ cấp y tế cho nhân viên làm nhiều doanh nghiệp (phần 5 mẫu số 16) đến trường Bộ phận Giám sát Tiêu chuẩn Lao động có thẩm quyền.

Gửi mẫu số 7 (phần 5 mẫu số 16) (2) nếu nhận thuốc từ hiệu thuốc, mẫu số 7 (phần 5 mẫu số 16) (3) nếu nhận trợ cấp từ bác sỹ nắn xương, mẫu số 7 (phần 5 mẫu số 16) (4) nếu nhận trợ cấp từ bác sỹ châm cứu, xoa bóp, ấn huyệt, mẫu số 7 (phần 5 mẫu số 16) (5) nếu được chăm sóc điều dưỡng tận nhà từ các đơn vị chăm sóc điều dưỡng tận nhà.

● Trường hợp thay đổi cơ sở y tế chỉ định

Những người đã nhận Trợ cấp điều trị từ các cơ sở y tế chỉ định nếu thay đổi sang cơ sở y tế chỉ định khác vì các lý do như về quê... thì thông quan cơ sở y tế chỉ định sau khi đã thay đổi để gửi “thông báo (thay đổi) bệnh viện chỉ định nhận trợ cấp điều trị trong chi trả bồi thường điều trị và trợ cấp y tế cho nhân viên làm nhiều doanh nghiệp” (mẫu số 16) hoặc “Thông báo thay đổi bệnh viện chỉ định nhận trợ cấp điều trị trong trợ cấp điều trị (phần 4 mẫu số 16) đến Bộ phận Giám sát Tiêu chuẩn Lao động có thẩm quyền.

※ Người đang điều trị tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, quầy thuốc v.v. không phải là cơ sở y tế được chỉ định v.v. khi chuyển sang cơ sở y tế được chỉ định v.v. không phải nộp Mẫu số 6 hoặc Mẫu số 16-4. Hãy nộp Mẫu số 5 và Mẫu số 16-3.

Về chi phí di chuyển đến bệnh viện

Chi phí di chuyển đến bệnh viện về nguyên tắc được tính toán trong vòng 2 km (※1) tính từ nơi sinh sống hoặc nơi làm việc của người lao động bị thương tật, bệnh tật, chi phí này sẽ được chi trả nếu tương ứng với một trong các mục từ ① đến ③ sau đây.

- ① Trường hợp đi đến cơ sở y tế thích hợp (※2) trong cùng khu vực quận huyện .
- ② Trường hợp đi đến cơ sở y tế thuộc quận huyện lân cận vì không có cơ sở y tế thích hợp trong cùng khu vực quận huyện đó (Bao gồm các trường hợp dù có cơ sở y tế thích hợp trong cùng khu vực quận huyện nhưng việc di chuyển đến cơ sở y tế thuộc quận huyện lân cận thì dễ dàng hơn)
- ③ Trường hợp đi đến cơ sở y tế gần nhất ngoài các khu vực quận huyện tương ứng vì không có cơ sở y tế thích hợp trong cùng khu vực quận huyện và trong cùng khu vực quận huyện và trong khu vực lân cận.

(※1) Cũng có trường hợp khoảng cách một chiều dưới 2 km nhưng vẫn thuộc đối tượng chi trả chi phí di chuyển đến bệnh viện.

(※2) Cơ sở y tế thích hợp là cơ sở y tế phù hợp trong việc khám và chữa cho các thương tật và bệnh tật.

Thời hạn

Đối với Trợ cấp điều trị được chi trả bằng hiện vật thì thời hạn của quyền yêu cầu không phải là vấn đề, nhưng trong trường hợp chi phí điều trị, nếu vượt quá 2 năm từ ngày xác định chi trả chi phí đó thì quyền yêu cầu sẽ bị hủy bỏ vì vậy cần lưu ý điều này.

VỀ TRỢ CẤP (BỒI THƯỜNG) v.v. NGHỈ LÀM

Người lao động không thể làm việc được vì phải điều trị các thương tật và bệnh tật xảy ra trên đường đi làm hoặc do công việc gây ra và không được nhận tiền lương thì sẽ được chi trả bồi thường nghỉ làm (Trường hợp tai nạn lao động) trợ cấp nghỉ làm cho nhân viên làm nhiều doanh nghiệp (cho tai nạn do nhiều công việc) hoặc chi trả nghỉ làm (trường hợp tai nạn trên đường đi làm) kể từ ngày được nghỉ làm thứ 4 trở đi.

Nội dung trợ cấp

Trong trường hợp đáp ứng 3 điều kiện dưới đây thì kể từ ngày nghỉ làm thứ 4 trở đi, sẽ được chi trả tiền trợ cấp (bồi thường) nghỉ làm và tiền nghỉ làm đặc biệt.

- ① Do điều trị thương tật và bệnh tật xảy ra trên đường đi làm hoặc do công việc gây ra,
- ② Do không thể lao động được
- ③ Không được nhận tiền lương

Trong trường hợp một nhân viên làm một doanh nghiệp (một nhân viên chỉ được sử dụng tại một nơi làm việc)

- Bồi thường nghỉ làm/ Trợ cấp nghỉ làm =
(60% số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày) × số ngày nghỉ làm
- Trợ cấp nghỉ làm đặc biệt =
(20% số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày) × số ngày nghỉ làm

Trong trường hợp nhân viên làm nhiều doanh nghiệp (nhân viên được sử dụng bởi nhiều nơi làm việc)“

- Bồi thường nghỉ làm/ Trợ cấp nghỉ làm =
(60% số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày bằng tổng số tiền từ nhiều nơi làm việc) × số ngày nghỉ làm
- Trợ cấp nghỉ làm đặc biệt =
(20% số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày bằng tổng số tiền từ nhiều nơi làm việc) × số ngày nghỉ làm

3 ngày nghỉ việc đầu tiên được gọi là thời gian chờ đợi và theo Luật Tiêu chuẩn Lao động, đối với trường hợp bị thương do lao động, trong thời gian này, người sử dụng lao động sẽ bồi thường cho việc nghỉ việc tạm thời (60% mức lương trung bình mỗi ngày). Tuy nhiên, đối với trường hợp tai nạn do nhiều yếu tố công việc và thương tật do tai nạn giao thông, pháp luật không có quy định nào về trách nhiệm bồi thường của người sử dụng lao động.

Ngoài ra, ví dụ, nếu người lao động chỉ nghỉ một phần thời gian làm việc theo lịch trình của họ để đến bệnh viện, họ có thể nhận được 60% số tiền thanh toán quyền lợi cơ bản hàng ngày cho tiền lương của thời gian đã nghỉ.

Thủ tục yêu cầu

Xin gửi “Đơn yêu cầu chi trả trợ cấp bồi thường nghỉ làm / Trợ cấp nghỉ làm cho nhân viên làm nhiều doanh nghiệp” (mẫu số 8), hoặc “đơn yêu cầu chi trả trợ cấp nghỉ làm” (phần 6 mẫu số 16) đến trường Bộ phận Giám sát Tiêu chuẩn Lao động có thẩm quyền.

Thời hạn

Về việc trợ cấp (bồi thường) v.v. nghỉ làm, quyền yêu cầu trợ cấp sẽ phát sinh theo từng ngày không thể làm việc do trị bệnh và không được nhận tiền lương, nếu vượt quá 2 năm kể từ ngày kế tiếp thì quyền yêu cầu sẽ bị hủy bỏ, vì vậy cần lưu ý điều này.

Về trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. bệnh tật và thương tật

Kể từ ngày kết thúc thời gian 1 năm 6 tháng sau khi bắt đầu điều trị các thương tật và bệnh tật xảy ra trên đường đi làm hoặc do công việc gây ra, nếu đáp ứng các điều kiện sau đây thì sẽ được chi trả trợ cấp hàng năm bồi thường bệnh tật (trường hợp tai nạn trên đường đi làm) trợ cấp bệnh tật và thương tật (cho tai nạn do nhiều công việc) hoặc trợ cấp hàng năm bệnh tật và thương tật (trường hợp tai nạn trên đường đi làm).

- (1) Thương tật hoặc bệnh tật đó không chữa khỏi.
- (2) Mức độ tàn tật của thương tật hoặc bệnh tật đó là tương ứng với cấp độ bệnh tật trong bảng cấp độ bệnh tật.

Nội dung trợ cấp

Trợ cấp hàng năm bồi thường v.v. bệnh tật, tiền chi trả bệnh tật đặc biệt và trợ cấp hàng năm bệnh tật đặc biệt được chi trả theo từng cấp độ bệnh tật.

Cấp độ bệnh tật	Trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. bệnh tật	Tiền chi trả đặc biệt (trợ cấp một lần)	Trợ cấp hàng năm bệnh tật đặc biệt
Cấp 1	313 ngày số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày	1.140.000 yên	313 ngày số tiền tính toán cơ bản theo ngày
Cấp 2	277 ngày số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày	1.070.000 yên	277 ngày số tiền tính toán cơ bản theo ngày
Cấp 3	245 ngày số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày	1.000.000 yên	245 ngày số tiền tính toán cơ bản theo ngày

Tháng chi trả trợ cấp hàng năm

Trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. bệnh tật được chi trả từ tháng kế tiếp của tháng đáp ứng yêu cầu chi trả trong mục (1) và (2) trên đây, mỗi năm thực hiện chi trả thành 6 kỳ vào tháng 2, 4, 6, 8, 10, 12 mỗi kỳ sẽ chi trả cho phần của 2 tháng trước đó.

※ Trong trường hợp những người có cấp độ bệnh tật là cấp 1, hoặc những người có tàn tật cấp 2 ở nội tạng phân ngực và bụng, tổn thương hệ thống tinh thần và thần kinh trên thực tế đang được chăm sóc điều dưỡng có thể được trợ cấp bồi thường v.v. điều dưỡng. (→Xem trang P33)

Thủ tục yêu cầu

Quyết định chi trả hoặc không chi trả trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. bệnh tật sẽ được thực hiện bằng quyền hạn của trưởng Bộ phận Giám sát Tiêu chuẩn Lao động có thẩm quyền, vì vậy mặc dù không cần các thủ tục yêu cầu nhưng nếu vượt quá (1 năm 6 tháng) kể từ ngày bắt đầu điều trị mà bệnh tật vẫn không chữa khỏi thì trong vòng 1 tháng sau đó phải xuất trình “Thông báo về tình trạng bệnh tật” (phần số 2 mẫu số 16) cho trưởng Bộ phận Giám sát và Tiêu chuẩn Lao động có thẩm quyền.

Về trợ cấp (bồi thường) v.v. tàn tật

Trường hợp khi các thương tật và bệnh tật xảy ra trên đường đi làm hoặc do công việc gây ra đã được chữa khỏi và để lại sự tàn tật nhất định cho cơ thể thì sẽ được chi trả trợ cấp bồi thường tàn tật (trường hợp tai nạn do lao động gây ra) trợ cấp tàn tật cho nhân viên làm nhiều doanh nghiệp (cho tai nạn do nhiều công việc) hoặc trợ cấp tàn tật (trường hợp tai nạn trên đường đi làm)

Nội dung trợ cấp

Trường hợp tàn tật còn lưu lại tương ứng cấp độ tàn tật nêu trong bảng cấp độ tàn tật thì sẽ được chi trả như sau, ứng với từng mức độ tàn tật.

- Trường hợp tương ứng với cấp độ tàn tật từ cấp 1 đến cấp 7
Trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. tàn tật, tiền tàn tật đặc biệt, trợ cấp hàng năm tàn tật đặc biệt.
- Trường hợp tương ứng với cấp độ tàn tật từ cấp 8 đến cấp 14
Tiền (bồi thường) v.v. tàn tật trả một lần, tiền tàn tật đặc biệt, tiền tàn tật đặc biệt trả một lần

Cấp độ tàn tật	Trợ cấp (bồi thường) v.v. tàn tật		Tàn tật đặc biệt (※)		Trợ cấp hàng năm tàn tật đặc biệt		Tiền tàn tật đặc biệt trả một lần	
	Trợ cấp hàng năm	313 ngày số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày	Trợ cấp 1 lần	3.420.000 yên	Trợ cấp hàng năm	313 ngày số tiền tính toán cơ bản theo ngày		
Cấp 1	"	"	"	3.420.000 yên	"	"		
Cấp 2	"	277 "	"	3.200.000 yên	"	277 "		
Cấp 3	"	245 "	"	3.000.000 yên	"	245 "		
Cấp 4	"	213 "	"	2.640.000 yên	"	213 "		
Cấp 5	"	184 "	"	2.250.000 yên	"	184 "		
Cấp 6	"	156 "	"	1.920.000 yên	"	156 "		
Cấp 7	"	131 "	"	1.590.000 yên	"	131 "		
Cấp 8	Trợ cấp 1 lần	503 "	"	650.000 yên			Lump Sum	503 ngày số tiền tính toán cơ bản theo ngày
Cấp 9	"	391 "	"	500.000 yên			"	391 "
Cấp 10	"	302 "	"	390.000 yên			"	302 "
Cấp 11	"	223 "	"	290.000 yên			"	223 "
Cấp 12	"	156 "	"	200.000 yên			"	156 "
Cấp 13	"	101 "	"	140.000 yên			"	101 "
Cấp 14	"	56 "	"	80.000 yên			"	56 "

※ Trường hợp đã nhận trợ cấp đặc biệt bệnh tật trong cùng một tai nạn thì trả số tiền chênh lệch đó.

※ Trong trường hợp những người có cấp độ tàn tật là cấp 1, hoặc những người có tàn tật cấp 2 ở nội tạng phần ngực và bụng, tổn thương hệ thống tinh thần và thần kinh trên thực tế đang được chăm sóc điều dưỡng có thể được trợ cấp bồi thường v.v. điều dưỡng. (→Xem trang 33)

Thủ tục yêu cầu

Xin hãy gửi “đơn yêu cầu chi trả trợ cấp bồi thường tàn tật làm / Trợ cấp tàn tật cho nhân viên làm nhiều doanh nghiệp” (mẫu số 10), hoặc “đơn yêu cầu trợ cấp tàn tật” (mẫu số 16) đến trưởng Bộ phận Giám sát Tiêu chuẩn Lao động.

Statute of Limitations on Claims

Về trợ cấp bồi thường v.v. tàn tật, nếu vượt quá 5 năm kể từ ngày kế tiếp của ngày lành bệnh thì quyền yêu cầu sẽ bị hủy bỏ, vì vậy cần lưu ý điều này.

Bảng cấp độ tàn tật

Quy định thi hành Luật Bảo hiểm bồi thường tai nạn người lao động

Bảng đính kèm 1. Bảng cấp độ tàn tật

Cấp độ tàn tật	Nội dung trợ cấp	Tàn tật thể chất	Cấp độ tàn tật	Nội dung trợ cấp	Tàn tật thể chất
Cấp 1	313 ngày số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày cho thời gian 1 năm có sự tàn tật đó	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hai mắt không nhìn thấy. 2. Mất chức năng nhai hoặc ngôn ngữ 3. Chức năng hệ thống thần kinh hoặc tinh thần có sự tàn tật rõ rệt, cần sự chăm sóc thường xuyên. 4. Yêu cầu luôn luôn chăm sóc dài hạn sau khi để lại các chứng ngại nghiêm trọng đối với các chức năng của cơ quan ngực và bụng. 5. Xóa 6. Mất hai tay đến phần khớp úy tay trở lên 7. Mất chức năng hai tay 8. Mất hai chân đến khớp gối trở lên 9. Mất chức năng hai chân. 	Cấp 4	213 ngày tương tự	<p>"1.Thị lực hai mắt không quá 0.06.</p> <p>2.Có tàn tật rõ rệt đến chức năng nhai và ngôn ngữ.</p> <p>3.Mất hoàn toàn thính lực hai tai.</p> <p>4.Một cánh tay bị mất đến khớp khuỷu tay trở lên.</p> <p>5.Một chân bị mất đến khớp gối trở lên.</p> <p>6.Mất chức năng toàn bộ các ngón tay của hai tay.</p> <p>7.Hai chân bị mất đến khớp cổ chân trở lên."</p>
Cấp 2	277 ngày tương tự	<ol style="list-style-type: none"> 1. Một mắt không nhìn thấy, mắt kia có thị lực không quá 0.02. 2.Hai mắt có thị lực không quá 0.02. 2-2.Chức năng hệ thống thần kinh hoặc tinh thần có sự tàn tật rõ rệt, cần sự chăm sóc không thường xuyên. 2-3. Chức năng cơ quan nội tạng phần ngực và bụng bị tàn tật rõ rệt, cần sự chăm sóc không thường xuyên. 3. Mất hai tay đến phần khớp tay trở lên. 4. Mất hai chân đến khớp chân trở lên. 	Cấp 5	184 ngày tương tự	<p>"1.Một mắt không nhìn thấy, mắt kia có thị lực không quá 0.1.</p> <p>1-2.Chức năng hệ thống thần kinh hoặc tinh thần có tàn tật rõ rệt, chỉ thực hiện được các công việc rất nhẹ</p> <p>1-3.Chức năng cơ quan nội tạng phần ngực và bụng có tàn tật rõ rệt, chỉ thực hiện được các công việc rất nhẹ.</p> <p>2. Một tay bị mất từ khớp tay trở lên.</p> <p>3. Một chân bị mất từ khớp chân trở lên.</p> <p>4. Mất hoàn toàn chức năng một cánh tay.</p> <p>5. Mất hoàn toàn chức năng một chân.</p> <p>6. Mất toàn bộ các ngón chân. "</p>
Cấp 3	245 ngày tương tự	<ol style="list-style-type: none"> 1. Một mắt không nhìn thấy, mắt kia có thị lực không quá 0.06. 2. Mất chức năng nhai hoặc ngôn ngữ 3. Chức năng hệ thống thần kinh hoặc tinh thần có tàn tật rõ rệt, suốt đời không lao động được. 4. Chức năng cơ quan nội tạng phần ngực và bụng bị tàn tật rõ rệt, suốt đời không lao động được. 5. Mất toàn bộ ngón tay ở cả hai tay. 	Cấp 6	156 ngày tương tự	<p>"1.Thị lực hai mắt không quá 0.1.</p> <p>2.Chức năng nhai hoặc ngôn ngữ có tàn tật rõ rệt.</p> <p>3.Thính lực hai tai chỉ nghe được giọng nói lớn khi kề sát vào tai.</p> <p>3-2. Một tai mất hoàn toàn thính lực, tai kia không thể giao tiếp được bình thường ở khoảng cách 40 cm trở lên."</p>

Cấp độ tàn tật	Nội dung trợ cấp	Tàn tật thể chất	Cấp độ tàn tật	Nội dung trợ cấp	Tàn tật thể chất
		<p>Trở lên.</p> <p>4. Cột sống biến dạng rõ rệt hoặc gây trở ngại vận động.</p> <p>5. Mất chức năng của 2 trong số 3 khớp lớn của 1 cánh tay.</p> <p>6. Mất chức năng của 2 trong 3 khớp lớn của 1 chân.</p> <p>7. Mất 5 ngón của 1 bàn tay hoặc 4 ngón trong đó có ngón cái.</p>	Cấp 8	503 ngày số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày	<p>1. Một mắt không nhìn thấy, mắt kia có thị lực không quá 0,02.</p> <p>2. Tồn thương vận động cột sống.</p> <p>3. Một tay bị mất 2 ngón tay gồm ngón cái hoặc 3 ngón không gồm ngón cái.</p> <p>4. Một tay bị mất chức năng 3 ngón tay gồm ngón cái hoặc 4 ngón tay gồm ngón cái.</p> <p>5. Một chân bị ngắn từ 5 cm trở lên.</p> <p>6. Mất chức năng của 1 trong 3 khớp của một tay.</p> <p>7. Mất chức năng của 1 trong 3 khớp của một chân.</p> <p>8. Khớp giả 1 cánh tay.</p> <p>9. Khớp giả 1 chân.</p> <p>10. Mất toàn bộ ngón 1 bàn chân.</p>
Cấp 7	131 ngày tương tự	<p>1. Một mắt không nhìn thấy, mắt kia có thị lực không quá 0,6.</p> <p>2. Thính lực hai tai không thể giao tiếp bình thường ở khoảng cách từ 40 cm trở lên.</p> <p>2-2 Mất thính lực 1 tai, thính lực tai kia không thể giao tiếp bình thường ở khoảng cách từ 1m trở lên.</p> <p>3. Chức năng hệ thống thần kinh hoặc tinh thần bị tàn tật, chỉ có thể làm được việc nhẹ.</p> <p>4. Xóa</p> <p>5. Chức năng cơ quan nội tạng phần ngực và bụng bị tàn tật, chỉ có thể làm được việc nhẹ.</p> <p>6. Một tay bị mất 3 ngón tay gồm cả ngón cái hoặc 4 ngón không gồm ngón cái.</p> <p>7. Một tay bị mất chức năng của 5 ngón hoặc 4 ngón gồm cả ngón cái.</p> <p>8. Mất một chặn đến khớp cổ chân trở lên</p> <p>9. Một cánh tay có khớp giả, gây trở ngại vận động rõ rệt</p> <p>10. Một chặn có khớp giả, gây trở ngại vận động rõ rệt.</p> <p>11. Mất chức năng toàn bộ các ngón chân của 2 chân.</p> <p>10 Một chân có khớp giả, gây trở ngại vận động rõ rệt.</p> <p>11. Mất chức năng toàn bộ các ngón chân của 2 chân.</p> <p>12 Diện mạo bên ngoài rất khó coi.</p> <p>13. Mất hai tinh hoàn.</p>	Cấp 9	391 ngày tương tự	<p>1. Thị lực hai mắt không quá 0,6.</p> <p>2. Thị lực một mắt không quá 0,06.</p> <p>3. Hai mắt bị mù, tầm nhìn hạn chế, hoặc hình ảnh biến dạng.</p> <p>4. Hai mí mắt có khuyết tật rõ rệt</p> <p>5. Khuyết tật mũi, tàn tật rõ rệt</p> <p>6. Tàn tật chức năng nhai và ngôn ngữ.</p> <p>6-2 Thính lực hai tai không thể giao tiếp được bình thường ở khoảng cách từ 1 m trở lên.</p> <p>6-3. Thính lực 1 tai không nghe được giọng nói lớn nếu không kể sạt lại, tai kia khó khăn khi giao tiếp bình thường ở khoảng cách từ 1m trở lên.</p> <p>7. Mất hoàn toàn thính lực 1 tai</p> <p>7-2 Chức năng hệ thống thần kinh hoặc tinh thần bị tàn tật, chỉ làm được các công việc ở mức độ rất hạn chế.</p>

Cấp độ tàn tật	Nội dung trợ cấp	Tàn tật thể chất	Cấp độ tàn tật	Nội dung trợ cấp	Tàn tật thể chất
		<p>7-3. Chức năng cơ quan nội tạng phần ngực và bụng bị tàn tật, mức độ làm việc bị hạn chế nhiều.</p> <p>8. Một tay mất ngón cái, hoặc 2 ngón không bao gồm ngón cái.</p> <p>9. Một tay mất chức năng 2 ngón bao gồm ngón cái hoặc 3 ngón không bao gồm ngón cái.</p> <p>10. Một chân mất từ 2 ngón trở lên gồm ngón cái.</p> <p>11. Một chân mất chức năng toàn bộ ngón chân.</p> <p>11-2. Diện mạo bên ngoài rất khó coi.</p> <p>12. Cơ quan sinh dục có tàn tật rõ rệt.</p>	Cấp 11	223 ngày tương tự	<p>1. Nhân cầu hai mắt có tàn tật chức năng điều tiết hoặc tàn tật vận động rõ rệt.</p> <p>2. Mí hai mắt có tàn tật vận động rõ rệt.</p> <p>3. Mí một mắt có khuyết tật rõ rệt.</p> <p>3-2. Có từ 10 răng giả trở lên.</p> <p>3-3. Thính lực hai tai không nghe được giọng nói nhỏ từ khoảng cách 1 m trở lên.</p> <p>4. Thính lực một tai không thể giao tiếp được bình thường ở khoảng cách từ 40 cm trở lên.</p> <p>5. Cột sống biến dạng.</p> <p>6. Một tay mất ngón trỏ, ngón giữa hoặc ngón áp út.</p> <p>7. Xóa</p> <p>8. Một chân mất chức năng 2 ngón trở lên bao gồm ngón cái.</p> <p>9. Chức năng cơ quan nội tạng phần ngực và bụng có tàn tật, gặp trở ngại đáng kể khi thực hiện công việc.</p>
Cấp 10	302 ngày tương tự	<p>1. Thị lực một mắt không quá 0.1.</p> <p>1-2. Nhìn thẳng thấy nhiều hình.</p> <p>2. Chức năng nhai hoặc ngôn ngữ có tàn tật.</p> <p>3. Có từ 14 răng giả trở lên.</p> <p>3-2. Thính lực hai tai gặp khó khăn khi giao tiếp bình thường ở khoảng cách từ 1 m trở lên.</p> <p>4. Thính lực 1 tai không nghe được giọng nói lớn nếu không kê sát lại.</p> <p>5. Xóa</p> <p>6. Một tay mất chức năng ngón cái, hoặc hai ngón không bao gồm ngón cái.</p> <p>7. Một chân bị ngắn từ 3 cm trở lên.</p> <p>8. Một chân mất ngón cái hoặc mất 4 ngón còn lại.</p> <p>9. Chức năng một trong ba khớp của một tay có tàn tật rõ rệt.</p> <p>10. Chức năng một trong ba khớp của một chân có tàn tật rõ rệt.</p>	Cấp 12	156 ngày tương tự	<p>1. Nhân cầu một mắt có tàn tật chức năng điều tiết hoặc tàn tật vận động rõ rệt.</p> <p>2. Mí một mắt có tàn tật vận động rõ rệt.</p> <p>3. Có từ 7 răng giả trở lên.</p> <p>4. Một tai có khuyết tật ở phần lớn vành tai.</p> <p>5. Xương đòn, xương ngực, xương sườn, xương vai, xương chậu biến dạng rõ rệt.</p> <p>6. Chức năng một trong ba khớp của một cánh tay có tàn tật.</p> <p>7. Chức năng một trong ba khớp của một chân có tàn tật.</p> <p>8. Xương dài bị biến dạng.</p> <p>8-2 Mất ngón út một tay.</p> <p>9. Mất chức năng ngón trỏ, ngón giữa và ngón áp út một tay.</p> <p>10. Một chân mất ngón trỏ, mất 2 ngón bao gồm ngón trỏ hoặc mất 3 ngón không bao gồm ngón giữa.</p>

Cấp độ tàn tật	Nội dung trợ cấp	Tàn tật thể chất	Cấp độ tàn tật	Nội dung trợ cấp	Tàn tật thể chất
		<p>11. Mất chức năng ngón cái hoặc mất chức năng 4 ngón còn lại của một chân.</p> <p>12. Có triệu chứng thần kinh dai dẳng ở bộ phận.</p> <p>13.Xóa</p> <p>14. Diện mạo bên ngoài khó coi.</p>	Cấp 13	101 ngày tương tự	10. Một chân mất chức năng ngón thứ hai, mất chức năng 2 ngón gồm ngón thứ hai hoặc mất chức năng 3 ngón từ ngón thứ ba trở đi.
Cấp 13	101 ngày tương tự	<p>1. Một mắt có thị lực không quá 0,6.</p> <p>2. Một mắt bị mù, tầm nhìn hạn chế hoặc hình ảnh biến dạng.</p> <p>2-2 Nhìn thẳng thấy nhiều hình.</p> <p>3. Một phần hai mí mắt có khuyết tật hoặc lông mi bị rụng.</p> <p>3-2 Có từ 5 răng giả trở lên.</p> <p>3-3. Chức năng cơ quan nội tạng phần ngực và bụng có tàn tật.</p> <p>4.Mất chức năng ngón út 1 tay.</p> <p>5.Mất một phần xương của ngón cái một tay.</p> <p>6.Xóa</p> <p>7.Xóa</p> <p>8.Một chân bị ngắn từ 1 cm trở lên.</p> <p>9. Một chân mất 1 hoặc 2 ngón từ ngón thứ 3 trở đi.</p>	Cấp 14	56 ngày tương tự	<p>1.Một phần mí mắt có khuyết tật, hoặc lông mi bị rụng.</p> <p>2. Có từ 3 răng giả trở lên.</p> <p>2-2. Thính lực 1 tai không thể nghe nói nhỏ ở khoảng cách từ 1 m trở lên.</p> <p>3. Có sẹo to và xấu ở cánh tay lộ ra bên ngoài bằng kích cỡ lòng bàn tay.</p> <p>4. Có sẹo to và xấu ở chân lộ ra bên ngoài bằng kích cỡ lòng bàn tay.</p> <p>5.Xóa</p> <p>6. Một tay mất một phần xương ngón tay khác với ngón cái.</p> <p>7. Một tay không thể co duỗi khớp ngoài cùng của ngón tay không bao gồm ngón cái.</p> <p>8. Một chân mất chức năng 1 hoặc 2 ngón kể từ ngón thứ ba trở đi.</p> <p>9. Có triệu chứng thần kinh dai dẳng ở bộ phận.</p> <p>10. Xóa</p>

Ghi chú

- 1 Đo thị lực theo bảng kiểm tra thị lực quốc tế. Nếu có bất thường khúc xạ thì đo thị lực đã hiệu chỉnh.
- 2 Mất ngón tay là việc mất từ đoạn khớp liên đốt trở lên đối với ngón cái và từ đoạn khớp giữa ngón tay trở lên đối với các ngón khác.
- 3 Mất chức năng ngón tay là mất từ một nửa trở lên phần xương đốt tay ngoại biên, hoặc có tổn hại vận động rõ rệt đến khớp đốt bàn tay – ngón tay hay khớp đốt giữa ngón tay đối với ngón cái là khớp liên đốt).
- 4 Mất ngón chân là mất toàn bộ ngón chân.
- 5 Mất chức năng ngón chân là mất từ một nửa trở lên phần xương đốt chân ngoại biên đối với ngón cái hoặc khớp xa đối với các ngón còn lại, hoặc có tổn hại vận động rõ rệt đến khớp đốt bàn chân – ngón chân hay khớp đốt giữa ngón chân đối với ngón cái là khớp liên đốt).

Trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. tàn tật trả trước một lần

Đối tượng trợ cấp hàng năm (bồi thường) tàn tật có thể được trả trước một lần.

Nội dung trợ cấp

Có thể chọn mức trả trước một lần mà mình mong muốn từ trong các mức cố định được quy định cho từng cấp độ tàn tật.

Khi mức trả trước một lần được chi trả thì trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. tàn tật sẽ ngừng chi trả cho đến khi tổng số tiền của từng tháng (phần sau khi hết 1 năm là số tiền đã trừ ra với lãi đơn 5%/năm) bằng với số tiền trả trước một lần.

Cấp độ tàn tật	Mức trả trước một lần
Cấp 1	Mức trợ cấp cơ bản theo ngày 200 ngày, 400 ngày, 600 ngày, 800 ngày, 1000 ngày, 1200 ngày hoặc 1340 ngày
Cấp 2	" 200 ngày, 400 ngày, 600 ngày, 800 ngày, 1000 ngày hoặc 1190 ngày
Cấp 3	" 200 ngày, 400 ngày, 600 ngày, 800 ngày, 1000 ngày hoặc 1050 ngày
Cấp 4	" 200 ngày, 400 ngày, 600 ngày, 800 ngày hoặc 920 ngày
Cấp 5	" 200 ngày, 400 ngày, 600 ngày, hoặc 790 ngày
Cấp 6	" 200 ngày, 400 ngày, 600 ngày, hoặc 670 ngày
Cấp 7	" 200 ngày, 400 ngày hoặc 560 ngày

Thủ tục yêu cầu

Về nguyên tắc, xin thực hiện song song với việc yêu cầu trợ cấp (bồi thường) tàn tật, theo đó cần xuất trình “đơn yêu cầu trợ cấp v.v. hàng năm bồi thường tàn tật-trợ cấp tàn tật cho nhân viên làm nhiều nơi làm việc-trợ cấp hàng năm tàn tật trả trước một lần” (Mẫu đơn trợ cấp hàng năm số 10) đến trưởng Bộ phận Giám sát Tiêu chuẩn Lao động có thẩm quyền.

Tuy nhiên, nếu trong vòng 1 năm kể từ ngày kế tiếp của ngày có thông báo về quyết định chi trả trợ cấp hàng năm thì vẫn có thể thực hiện yêu cầu này sau khi đã nhận được trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. tàn tật. Trường hợp này sẽ yêu cầu chi trả trong phạm vi số tiền còn lại là trừ đi phần trợ cấp hàng năm đã chi trả trước từ số tiền tối đa tương ứng với từng cấp độ tàn tật.

Thời hạn

Quyền yêu cầu Trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. tàn tật trả trước một lần hết thời hạn sau khi đã được 2 năm kể từ ngày tiếp theo của ngày khởi bệnh, xin lưu ý.

Chênh lệch trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. tàn tật trả một lần

Trường hợp người được nhận trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. tàn tật chết, nếu tổng số tiền trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. tàn tật trả trước 1 lần và trợ cấp hàng năm (bồi thường) tàn tật đã được chi trả cho người đó chưa bằng số tiền nhất định được quy định tương ứng cho từng cấp độ tàn tật thì gia đình người đã chết sẽ được chi trả phân chênh lệch trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. tàn tật trả một lần.

Nội dung trợ cấp

Mức chênh lệch trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. tàn tật bằng số tiền nhất định được quy định tương ứng cho từng cấp độ tàn tật trừ đi tổng số tiền trợ cấp hàng năm (bồi thường) tàn tật trả trước 1 lần đã được chi trả.

Về trợ cấp hàng năm tàn tật đặc biệt, cũng có chế độ tiền chênh lệch trả một lần giống như trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. tàn tật.

Cấp độ tàn tật	Chênh lệch số tiền trợ cấp bồi thường v.v. tàn tật hàng năm trả một lần	Chênh lệch số tiền trợ cấp tàn tật đặc biệt hàng năm trả một lần
Cấp 1	Số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày 1.340 ngày	Số tiền tính toán cơ bản theo ngày 1.340 ngày
Cấp 2	" 1.190 ngày	" 1.190 ngày
Cấp 3	" 1.050 ngày	" 1.050 ngày
Cấp 4	" 920 ngày	" 920 ngày
Cấp 5	" 790 ngày	" 790 ngày
Cấp 6	" 670 ngày	" 670 ngày
Cấp 7	" 560 ngày	" 560 ngày

● Gia đình người đã chết được nhận tiền chênh lệch trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. tàn tật trả một lần

Gia đình người đã chết được nhận tiền chênh lệch trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. tàn tật trả một lần là gia đình nêu trong mục (1) hoặc (2) sau đây, trình tự được chi trả là (1), (2) [trình tự nêu trong các mục (1), (2) trong số các gia đình thuộc mục (1), (2)].

- (1) Vợ / chồng [bao gồm người không đăng ký kết hôn nhưng có quan hệ tương tự như quan hệ hôn nhân trên thực tế. Mục (2) cũng tương tự], con, cha mẹ, cháu, ông bà, anh chị em cùng sinh sống với người lao động vào thời điểm người lao động chết.
- (2) Vợ / chồng con cha mẹ, cháu, ông bà và anh chị em không thuộc mục (1).

Thủ tục yêu cầu

Xin hãy xuất trình “Đơn yêu cầu tiền chênh lệch trợ cấp hàng năm bồi thường tàn tật trả một lần – trợ cấp hàng năm (bồi thường) tàn tật trả một lần cho nhân viên làm nhiều doanh nghiệp – tiền chênh lệch trợ cấp hàng năm tàn tật trả một lần” (Phần 2 mẫu số 37) đến trường bộ phận giám sát tiêu chuẩn lao động có thẩm quyền. Hãy đính kèm hồ sơ sau đây cùng với Đơn yêu cầu.

● Tài liệu đính kèm cần thiết để xin phép

Trường hợp	Hồ sơ đính kèm
Bắt buộc phải đính kèm	Giấy tờ chứng nhận mối quan hệ nhân thân giữa người làm đơn với người lao động đã chết như bản sao hộ khẩu...v.v.
Trường hợp không đăng ký kết hôn nhưng có quan hệ tương tự quan hệ hôn nhân trên thực tế với người lao động đã chết.	Giấy tờ chứng nhận tình trạng đó
Trường hợp sinh sống bằng thu nhập của người lao động đã chết.	Giấy tờ chứng nhận tình trạng đó

※ Cũng có trường hợp cần xuất trình các hồ sơ cần thiết.

Thời hạn

Quyền yêu cầu Tiền chênh lệch trợ cấp hàng năm (bồi thường) ...v.v. tàn tật trả một lần sẽ hết thời hạn sau khi đã được 5 năm kể từ ngày tiếp theo của ngày người lao động tự vong do tai nạn, xin hãy lưu ý.

Trợ cấp (bồi thường) v.v. người thân Phí mai táng v.v. (Trợ cấp mai táng)

Trường hợp người lao động chết trên đường đi làm hoặc do công việc gây ra thì gia đình họ sẽ được trợ cấp (bồi thường) v.v. người thân. Ngoài ra, nếu tổ chức mai táng thì sẽ được chi trả phí mai táng (trợ cấp mai táng).

Trợ cấp bồi thường người thân gồm có loại, “Trợ cấp (bồi thường) v.v. người thân hàng năm” và “(Bồi thường) v.v. người thân một lần”.

Trợ cấp (bồi thường) v.v. người thân hàng năm

Trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. người thân được chi trả cho người ưu tiên nhất (Người có quyền được nhận) trong số những Người có tư cách được nhận (người thân có tư cách được nhận trợ cấp).

Người có tư cách được nhận

Người có tư cách được nhận trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. người thân là vợ / chồng, con, cha mẹ, cháu, ông bà, anh chị em cùng sinh sống bằng thu nhập của người lao động đó tại thời điểm người lao động chết, tuy nhiên ngoại trừ vợ của người lao động ra thì những người còn lại phải đáp ứng điều kiện cao tuổi hoặc ở trong tình trạng tàn tật nhất định khi người lao động đó chết.

“Sinh sống bằng thu nhập của người lao động đó tại thời điểm người lao động chết” tức là không yêu cầu phải duy trì kinh tế gia đình chủ yếu chỉ bằng thu nhập của người lao động là đủ, tức là cũng bao gồm trường hợp “cùng kiếm tiền nuôi gia đình”.

Người có quyền được nhận theo thứ tự sau đây.

- ① Chồng từ 60 tuổi trở lên hoặc có tàn tật nhất định, hoặc vợ.
- ② Con nằm trong khoảng từ ngày đủ 18 tuổi đến ngày 31 tháng 3 đầu tiên hoặc có tàn tật nhất định.
- ③ Cha mẹ từ 60 tuổi trở lên hoặc có tàn tật nhất định.
- ④ Cháu nằm trong khoảng từ ngày đủ 18 tuổi đến ngày 31 tháng 3 đầu tiên hoặc có tàn tật nhất định.
- ⑤ Ông bà từ 60 tuổi trở lên hoặc có tàn tật nhất định.
- ⑥ Anh chị e nằm trong khoảng từ ngày đủ 18 tuổi đến ngày 31 tháng 3 đầu tiên hoặc từ 60 tuổi trở lên hoặc có tàn tật nhất định.
- ⑦ Chồng từ 55 đến dưới 60 tuổi.
- ⑧ Cha mẹ từ 55 đến chưa đủ 60 tuổi.
- ⑨ Ông bà từ 55 tuổi đến chưa đủ 60 tuổi.
- ⑩ Anh chị em từ 55 tuổi đến chưa đủ 60 tuổi.

※ Tàn tật nhất định là tàn tật thể chất có cấp độ tàn tật từ cấp 5 trở lên.

※ Trường hợp vợ / chồng, bao gồm cả người không đăng ký kết hôn nhưng có quan hệ tương tự quan hệ hôn nhân trên thực tế. Ngoài ra nếu khi người lao động chết mà con đang còn dạng bào thai thì sau khi sinh ra sẽ trở thành người có quyền được nhận.

※ Người ưu tiên nhất nếu mất quyền được nhận do chết hoặc tái hôn... thì người ưu tiên kế tiếp sẽ trở thành người có quyền được nhận.

※ Chồng, cha mẹ, ông bà, anh chị em từ 55 đến chưa đủ 60 tuổi trong mục ⑦~⑩ dù có trở thành người có quyền được nhận nhưng sẽ bị tạm dừng chi trả trợ cấp hàng năm này cho đến khi 60 tuổi.

Nội dung trợ cấp

Trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. người thân, tiền người thân đặc biệt và trợ cấp hàng năm người thân đặc biệt được chi trả tương ứng với số lượng người thân.

Khi có từ 2 người có quyền được nhận trở lên thì mỗi người được nhận một phần bằng nhau.

Số người	Tiền trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. người thân	Tiền người thân đặc biệt (trả một lần)	Tiền trợ cấp hàng năm người thân đặc biệt
1 người	153 ngày số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày (tuy nhiên trường hợp vợ từ 55 tuổi trở lên hoặc vợ có tổn hại nhất định thì bằng 175 ngày số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày)	3.000.000 yên	153 153 ngày số tiền tính toán cơ bản theo ngày (tuy nhiên trường hợp vợ từ 55 tuổi trở lên hoặc vợ có tổn hại nhất định thì bằng 175 ngày số tiền tính toán cơ bản theo ngày)
2 người	201 ngày số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày		201 ngày số tiền tính toán cơ bản theo ngày
3 người	223 ngày số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày		223 ngày số tiền tính toán cơ bản theo ngày
4 người trở lên	245 ngày số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày		245 ngày số tiền tính toán cơ bản theo ngày

Thủ tục yêu cầu

Xuất trình Đơn yêu cầu chi trả trợ cấp hàng năm bồi thường người thân / trợ cấp hàng năm bồi thường nhân thân cho nhân viên làm nhiều doanh nghiệp (mẫu số 12) hoặc Đơn yêu cầu chi trả trợ cấp người thân hàng năm (phần 8 mẫu số 16) đến trưởng bộ phận Giám sát Tiêu chuẩn lao động có thẩm quyền.

Việc làm đơn xin cấp tiền đặc biệt, về nguyên tắc được thực hiện chung với việc yêu cầu trợ cấp (bồi thường) v.v. người thân và áp dụng mẫu đơn chung với trợ cấp (bồi thường) v.v. người thân.

● Các hồ sơ đính kèm cần thiết khi xuất trình

※Ngoài ra cũng có trường hợp phải bổ sung thêm những giấy tờ khác nữa.

Trường hợp	Hồ sơ đính kèm
Bắt buộc đính kèm	Giấy tờ chứng nhận sự tử vong và ngày tháng tử vong của người lao động như Giấy chẩn đoán tử vong, Giấy xét nghiệm tử thi, Biên bản xét nghiệm tử thi hoặc các giấy tờ có ghi nội dung này Giấy tờ chứng nhận mối quan hệ nhân thân giữa người lao động đã chết với người làm đơn và người có tư cách được nhận khác như bản sao hộ khẩu... Giấy tờ chứng nhận việc người làm đơn và người có tư cách được nhận khác đã duy trì cuộc sống nhờ vào thu nhập của người lao động đã chết.
Trường hợp người làm đơn hoặc người có tư cách được nhận khác không đăng ký kết hôn nhưng có mối quan hệ hôn nhân tương tự trên thực tế với người lao động đã chết	Giấy tờ chứng nhận sự thật đó
Trường hợp có người trở thành người có tư cách được nhận vì lý do có tổn hại nhất định trong số những người làm đơn và người có tư cách được nhận khác.	Giấy tờ chứng nhận rằng vẫn có tổn hại đó từ khi người lao động chết như giấy khám sức khỏe...v.v.
Trường hợp có người cùng sinh sống với người làm đơn trong số những người có tư cách được nhận	Giấy tờ chứng nhận sự thật đó
Trường hợp vợ có tổn hại	Giấy tờ chứng nhận việc có tổn hại sau khi người lao động chết và thời điểm phát sinh tình trạng tổn hại hoặc thời điểm hết tình trạng đó như giấy khám sức khỏe.
Trường hợp được cấp tiền trợ cấp hàng năm an sinh xã hội của người thân, tiền trợ cấp cơ bản hàng năm cơ bản cho người thân, tiền trợ cấp hàng năm cho go a phụ...cho cùng một lý do.	Giấy tờ chứng nhận số tiền được cấp

Thời hạn

Quyền yêu cầu Trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. người thân sẽ hết thời hạn sau khi đã được 5 năm kể từ ngày kế tiếp của ngày người bị nạn qua đời, xin lưu ý

Tiền (bồi thường) v.v. người thân một lần

(1) Các trường hợp được trả tiền (bồi thường) v.v. người thân một lần

Một trong các trường hợp sau sẽ được chi trả.

- ① Trường hợp không có người thân để nhận trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. người thân vào lúc người lao động chết.
- ② Trường hợp khi tất cả người có quyền được nhận trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. người thân mất quyền được nhận cho đến vị trí ưu tiên cuối cùng và tổng số tiền của trợ cấp hàng năm và trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. người thân một lần (trang 30) đã được chi trả cho tất cả mọi người của người thân có quyền được nhận là chưa bằng 1000 lần số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày.

(2) Người có quyền được nhận

Người có quyền được nhận tiền trợ cấp (bồi thường) v.v. người thân một lần là người ở vị trí ưu tiên nhất (② và ③) sẽ có thứ tự từ con, cha mẹ, cháu, ông bà) trong số người sau đây, nếu có những người có thứ tự ưu tiên bằng nhau từ 2 người trở lên thì tất cả đều là người có quyền được nhận.

- ① Vợ / chồng
- ② Con, cha mẹ, cháu, ông bà đã sinh sống bằng thu nhập của người lao động vào lúc người lao động chết.
- ③ Con, cha mẹ, cháu, ông bà khác.
- ④ Anh chị em.

Nội dung trợ cấp

Trường hợp ① của (1) ghi trên

Sẽ được chi trả 1.000 lần số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày.

Ngoài 3.000.000 yên tiền chi trả đặc biệt cho người thân, còn được chi trả tiền đặc biệt trợ cấp người thân một lần với mức 1.000 lần số tiền trợ cấp tính toán theo ngày.

Trường hợp ② của (1) ghi trên

Sẽ được chi trả phần chênh lệch giữa 1.000 lần số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày và tổng số tiền đã được chi trả của trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. người thân ..v.v..

Nếu tổng trợ cấp hàng năm đặc biệt người thân đã được chi trả cho tất cả những người đã từng là người có quyền được nhận chưa bằng mức 1.000 lần mức tính toán cơ bản theo ngày thì sẽ được chi trả tiền đặc biệt trợ cấp người thân một lần với mức bằng phần chênh lệch giữa 1.000 lần mức tính toán cơ bản theo ngày so với tổng trợ cấp hàng năm đó. (Trường hợp này sẽ không được nhận tiền đặc biệt trợ cấp người thân.)

Thủ tục yêu cầu

Xuất trình Đơn yêu cầu chi trả tiền bồi thường người thân một lần / bồi thường người thân một lần cho nhân viên làm nhiều doanh nghiệp (mẫu số 15) hoặc Đơn yêu cầu chi trả tiền người thân một lần (phần 9 mẫu số 16) đến trường Bộ phận Giám sát Tiêu chuẩn Lao động có thẩm quyền.

Việc xin cấp tiền đặc biệt, về nguyên tắc được thực hiện chung với việc yêu cầu tiền (bồi thường) người thân một lần và áp dụng mẫu đơn chung với tiền (bồi thường) người thân một lần.

● Các hồ sơ đính kèm cần thiết khi xin phép

Trường hợp	Hồ sơ đính kèm
Trường hợp người không đăng ký kết hôn nhưng có quan hệ tương tự quan hệ hôn nhân trên thực tế	Giấy tờ chứng nhận sự thật đó.
Trường hợp người đã duy trì cuộc sống bằng thu nhập của người lao động đã chết	Giấy tờ chứng nhận sự thật đó.
Trường hợp không có người thân có thể nhận tiền trợ cấp hàng năm bồi thường v.v. người thân vào lúc người lao động chết.	a. Giấy tờ chứng nhận sự tử vong và ngày tháng tử vong của người lao động như Giấy chẩn đoán tử vong, Giấy xét nghiệm tử thi, Biên bản xét nghiệm tử thi hoặc các giấy tờ có ghi các nội dung này. b. Giấy tờ chứng nhận mối quan hệ nhân thân giữa người yêu cầu và người lao động đã chết như bản sao hộ khẩu...
Trường hợp khi người có quyền được nhận tiền trợ cấp hàng năm bồi thường người thân mất quyền được nhận cho đến vị trí ưu tiên cuối cùng và tổng số tiền của tiền trợ cấp hàng năm và tiền trợ cấp hàng năm bồi thường v.v. trả trước một lần người thân đã được chi trả cho tất cả mọi người của người thân có quyền được nhận là chưa bằng 1000 lần mức chi trả cơ bản theo ngày.	Giấy tờ mục b trên đây.

※ Cũng có trường hợp cần xuất trình các hồ sơ cần thiết khác.

Thời hạn

Về tiền (bồi thường) v.v. người thân một lần, cũng tương tự như trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. người thân, nếu vượt quá 5 năm kể từ ngày kế tiếp của ngày người bị nạn chết thì quyền yêu cầu sẽ bị hủy bỏ, vì vậy cần lưu ý điều này.

Trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. người thân trả trước một lần

Người thân được nhận trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. người thân có thể chi trả trước phần trợ cấp hàng năm đó trong 1 lần.

Ngoài ra, những người đang bị tạm dừng chi trả trợ cấp hàng năm do chưa đủ tuổi cũng có thể chi trả trước.

Nội dung trợ cấp

Có thể chọn lựa mức trả trước một lần mà mình mong muốn trong số các mức 200 ngày, 400 ngày, 600 ngày, 800 ngày, 1000 ngày so với số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày.

Khi mức trả trước một lần được chi trả thì trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. người thân sẽ ngừng chi trả cho đến khi tổng của số tiền của từng tháng (phần sau khi hết 1 năm là số tiền đã trừ ra với lãi đơn 5% /năm) bằng với số tiền trả trước một lần giảm theo lãi suất luật định).

Thủ tục yêu cầu

Khi yêu cầu trợ cấp hàng năm (bồi thường) người thân trả trước một lần, về nguyên tắc sẽ thực hiện đồng thời với việc yêu cầu trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. người thân / trợ cấp hàng năm người thân cho nhân viên làm nhiều doanh nghiệp, theo đó cần xuất trình “Đơn yêu cầu trợ cấp hàng năm bồi thường người thân – trợ cấp hàng năm người thân trả trước một lần” (Mẫu đơn trợ cấp hàng năm số 1) đến trưởng Bộ phận Giám sát tiêu chuẩn Lao động có thẩm quyền. Tuy nhiên, nếu trong vòng 1 năm kể từ ngày kể thân. Trường hợp này sẽ yêu cầu chi trả trong phạm vi số tiền bằng 1000 lần số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày trừ đi tổng phần trợ cấp hàng năm đã chi trả trước đó.

Thời hiệu

Về tiền trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. người thân trả trước một lần, nếu vượt quá 2 năm kể từ ngày kế tiếp của ngày người bị nạn chết thì quyền yêu cầu sẽ bị hủy bỏ, vì vậy cần lưu ý điều này.

Trường hợp thay đổi người có quyền được nhận trợ cấp (bồi thường) v.v. người thân hàng năm (chuyển đổi tượng cấp)

Trường hợp người có quyền được nhận trợ cấp bồi thường v.v. người thân hàng năm không được nhận trợ cấp hàng năm vì các lý do sau đây thì người ở vị trí ưu tiên kế tiếp sẽ được nhận trợ cấp hàng năm đó.

- (1) Khi chết.
- (2) Khi có quan hệ hôn nhân (bao gồm trường hợp không đăng ký kết hôn nhưng có quan hệ tương tự quan hệ hôn nhân trên thực tế)
- (3) Khi trở thành con nuôi của người không thuộc quan hệ huyết thống trực hệ hoặc quan hệ huyết thống trực hệ của vợ chồng (bao gồm trường hợp không đăng ký con nuôi nhưng có quan hệ tương tự quan hệ con nuôi trên thực tế)
- (4) Khi ly hôn và kết thúc quan hệ thân tộc với người lao động đã chết
- (5) Đối với con, cháu hoặc anh chị em thì khi kết thúc ngày 31 tháng 3 đầu tiên sau khi đủ 18 tuổi. (Trừ trường hợp vẫn có tình trạng tàn tật nhất định sau thời điểm người lao động chết)
- (6) Đối với chồng, con, cha mẹ, cháu, ông bà hoặc anh chị em có tàn tật nhất định thì khi không còn tình trạng đó nữa.

Thủ tục yêu cầu

Cần xuất trình Đơn yêu cầu thay đổi chi trả trợ cấp hàng năm bồi thường người thân – trợ cấp hàng năm bồi thường nhân thân cho nhân viên làm nhiều doanh nghiệp – trợ cấp người thân hàng năm mẫu số 13 đến trường Bộ phận Giám sát Tiêu chuẩn Tiền lương có thẩm quyền. Việc xin trợ cấp đặc biệt người thân hàng năm về nguyên tắc được thực hiện cùng lúc và áp dụng chung mẫu đơn xin.

● Các hồ sơ đính kèm cần thiết khi xin phép

Trường hợp	Hồ sơ đính kèm
Bắt buộc đính kèm	Giấy tờ chứng nhận mối quan hệ nhân thân giữa người lao động đã chết với người làm đơn và người có tư cách được nhận khác cùng sinh sống với người làm đơn như bản sao hộ khẩu.
Trường hợp có người trở thành người có tư cách được nhận vì lý do có tổn hại nhất định trong số người làm đơn và người có tư cách được nhận khác cùng sinh sống với người làm đơn.	Giấy tờ chứng nhận việc vẫn có tổn hại sau khi người lao động chết, giấy khám sức khỏe
Trường hợp trong số những người có tư cách được nhận có người cùng sinh sống với người làm đơn.	Giấy tờ chứng nhận thật đó.

※ Cũng có trường hợp cần xuất trình các hồ sơ cần thiết khác.

Về tiền phúng điếu v.v. (Chi trả mai táng)

Đối tượng được cấp tiền phúng điếu v.v. (chi trả mai táng) không nhất thiết phải là người thân, tuy nhiên thông thường người thân thích hợp trong việc mai táng sẽ là đối tượng này. Trường hợp không có người thân tổ chức mai táng v.v. (chi trả mai táng) sẽ được cấp cho doanh nghiệp đó.

Nội dung yêu cầu

Số tiền mai táng (chi trả mai táng) là số tiền 315.000 yên so với 30 ngày số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày. Nếu số tiền này ít hơn 60 ngày số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày thì sẽ được chi trả bằng 60 ngày số tiền trợ cấp cơ bản theo ngày.

Thủ tục yêu cầu

Cần xuất trình Đơn yêu cầu tiền Phúng điếu hoặc trợ cấp mai táng cho nhân viên làm nhiều doanh nghiệp (mẫu số 16) hoặc Đơn yêu cầu chi trả mai táng (phần 10 mẫu số 16) đến trưởng Bộ phận Giám sát Tiêu chuẩn Lao động.

- Những hồ sơ đính kèm cần thiết khi yêu cầu

Giấy tờ chứng nhận sự tử vong và ngày tháng tử vong của người lao động như Giấy chẩn đoán tử vong, Giấy xét nghiệm tử thi, Biên bản xét nghiệm tử thi hoặc các giấy tờ có ghi các nội dung này.

Nhưng trong trường hợp xuất trình Đơn yêu cầu của trợ cấp bồi thường v.v. người thân thì không cần hồ sơ đính kèm này.

Thời hạn

Vì tiền phúng điếu v.v. (chi trả mai táng), nếu vượt quá 2 năm kể từ ngày kế tiếp của ngày người bị nạn chết thì quyền yêu cầu sẽ bị hủy bỏ, vì vậy cần lưu ý điều này.

Trợ cấp (bồi thường) v.v. điều dưỡng

Trường hợp tất cả những người thuộc cấp 1 trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. tàn tật hoặc trợ cấp hàng năm (bồi thường) bệnh tật và người có tàn và người có tàn tật 2 về thần kinh, tinh thần, cơ quan nội tạng phần ngực và bụng hiện đang được chăm sóc điều dưỡng thì sẽ được chi trả bồi thường điều dưỡng (trường hợp tai nạn do công việc gây ra), trợ cấp điều dưỡng (cho tai nạn do nhiều công việc) hoặc chi trả điều dưỡng (trường hợp tai nạn trên đường đi làm).

Điều kiện chi trả

1 Tình trạng có tàn tật nhất định

Trợ cấp (bồi thường) v.v. điều dưỡng được phân loại theo tình trạng tàn tật, gồm tình trạng cần điều dưỡng thường xuyên và cần điều dưỡng không thường xuyên. Tình trạng tàn tật cần điều dưỡng thường xuyên hoặc không thường xuyên như dưới đây.

	Tình trạng tàn tật cụ thể của đối tượng
Điều dưỡng thường xuyên	<p>① Tình trạng có tàn tật về thần kinh, tinh thần, cơ quan nội tạng phần ngực và bụng và cần được điều dưỡng thường xuyên. (Mục 3, 4 thuộc tàn tật cấp 1, mục 1, 2 thuộc bệnh tật cấp 1)</p> <p>② { Hai mắt không nhìn thấy và có tàn tật cấp 1, cấp 2 của cấp độ tàn tật và bệnh tật. • Mất cả hai tay và hai chân, hoặc mất chức năng hai tay và hai chân.v.v... có tình trạng cần được điều dưỡng thường xuyên tương tự mục ① trên đây.</p>
Điều dưỡng không thường xuyên	<p>① Tình trạng có tàn tật về thần kinh, tinh thần, cơ quan nội tạng phần ngực và bụng và cần được điều dưỡng không thường xuyên. (Mục 2-2, 2-3 tàn tật cấp 2, mục 1 và 2 bệnh tật cấp 2)</p> <p>② Tình trạng cần điều dưỡng không thường xuyên, mà thuộc tàn tật cấp 1 hoặc bệnh tật cấp 2.</p>

2 Đang được điều dưỡng

Cần được điều dưỡng với dịch vụ điều dưỡng có phí của tư nhân hoặc được người thân, bạn và chăm sóc.

3 Không nhập viện

4 Không ở tại các cơ sở bảo vệ sức khỏe người cao tuổi, cơ sở hộ trợ người khuyết tật (giới hạn trong trường hợp được điều dưỡng sinh hoạt), nhà dưỡng lão đặc biệt hoặc trung tâm chăm sóc đặc biệt cho nạn nhân bom nguyên tử.

Trường hợp đang ở trong các trung tâm này thì xem như được cung cấp đầy đủ các dịch vụ, vì vậy không thuộc đối tượng chi trả.

Nội dung trợ cấp

Mức trợ cấp (bồi thường) v.v. điều dưỡng như sau. (Tại thời điểm năm 2022 tháng 3 ngày 1).

(1) Trường hợp điều dưỡng thường xuyên

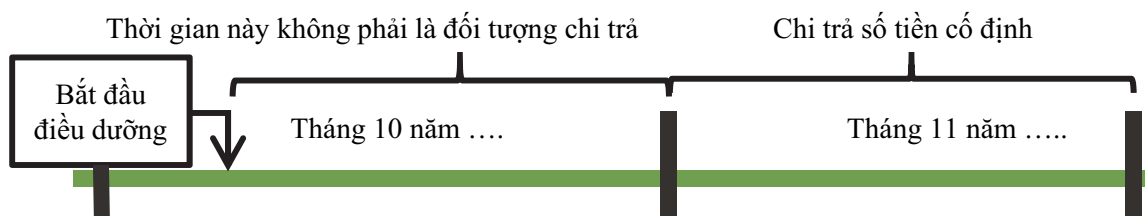
- ① Trường hợp không được sự chăm sóc điều dưỡng từ người thân, bạn bè, người quen thì sẽ được chi trả chi phí điều dưỡng với mức chi tiêu thực tế. (Không vượt quá 171.650 yên)
- ② Trường hợp được sự chăm sóc điều dưỡng từ người thân, bạn bè, người quen, đồng thời
 - 1 Không chi trả chi phí điều dưỡng thì sẽ được chi trả cố định 73.090 yên
 2. Có chi trả chi phí điều dưỡng, nếu số tiền đó dưới 73.090 yên thì sẽ được chi trả 73.090 yên.
 3. Có chi trả chi phí điều dưỡng, nếu số tiền đó trên 73.090 yên thì sẽ được chi trả số tiền đó. (Không vượt quá 171.650 yên)

(2) Trường hợp điều dưỡng không thường xuyên

- ① Trường hợp không được sự chăm sóc điều dưỡng từ người thân, bạn bè, người quen thì sẽ được chi trả chi phí điều dưỡng với mức chi tiêu thực tế. (Không vượt quá 85.780 yên).
- ② Trường hợp được sự chăm sóc điều dưỡng từ người thân, bạn bè, người quen, đồng thời...
 - 1 Không trả chi phí điều dưỡng thì sẽ được chi trả cố định 36.500 yên.
 - 2 Có trả chi phí điều dưỡng, nếu số tiền đó dưới 36.500 yên thì sẽ được chi trả 36.500 yên.
 - 3 Có trả chi phí điều dưỡng, nếu số tiền đó trên 36.500 yên thì sẽ được chi trả số tiền đó. (Không vượt quá 85.780 yên).

● Trường hợp bắt đầu điều dưỡng từ giữa tháng

- ① Trường hợp trả chi phí điều dưỡng để nhận sự chăm sóc thì sẽ được chi trả chi phí điều dưỡng trong phạm vi giới hạn tối đa.
- ② Trường hợp nhận được sự chăm sóc của người thân .v.v... không trả chi phí điều dưỡng thì tháng đó sẽ không được chi trả
(Ví dụ) Trường hợp bắt đầu nhận được chăm sóc từ người thân vào giữa tháng 10



※ Trong cột “tháng và năm đối tượng yên cầu” của đơn yêu cầu thì cũng cần điền vào tháng bắt đầu điều dưỡng (Trong ví dụ trên là tháng 10).

Thủ tục yêu cầu

Khi yêu cầu trợ cấp bồi thường điều dưỡng, cần xuất trình Đơn yêu cầu chi trả bồi thường điều dưỡng – Chi trả điều dưỡng (phần 2-2 mẫu số 16) đến trưởng Bộ phận Giám sát Tiêu chuẩn Lao động có thẩm quyền.

● Các giấy tờ đính kèm cần thiết khi xin phép

Trường hợp	Tình trạng tàn tật cụ thể của đối tượng
Bắt buộc phải đính kèm	Giấy chẩn đoán của bác sỹ hoặc nha sỹ
Chi tiêu chi phí điều dưỡng	Giấy tờ chứng nhận số ngày được điều dưỡng và mức chi phí đã tiêu tốn

※ Cũng có trường hợp cần xuất trình các giấy tờ cần thiết.

Trường hợp người được cấp trợ cấp hàng năm (bồi thường) v.v. bệnh tật và thương tật và đối tượng thuộc mục 3,4 trong tàn tật cấp 1 hoặc mục 2-2, 2-3 trong tàn tật cấp 2 thì không cần đính kèm giấy chẩn đoán.

Ngoài ra, trong trường hợp yêu cầu trợ cấp (bồi thường) v.v. điều dưỡng từ lần thứ 2 liên tục trở đi cũng không cần giấy chẩn đoán.

Yêu cầu trợ cấp bồi thường v.v. điều dưỡng được thực hiện theo đơn vị 1 tháng, tuy nhiên điều này không cản trở việc yêu cầu chung cho cả 3 tháng.

Thời hạn

Về Trợ cấp bồi thường v.v. điều dưỡng, nếu vượt quá 2 năm từ ngày mong một tháng kế tiếp của tháng được điều dưỡng thì quyền yêu cầu sẽ bị hủy bỏ, vì vậy cần lưu ý điều này.

Ví dụ các viết các loại đơn yêu cầu

1. Đơn yêu cầu trợ cấp điều trị (Mẫu số 5)
2. Đơn yêu cầu trợ cấp chi phí điều dưỡng (Mẫu số 7)
3. Đơn yêu cầu chi trả trợ cấp bồi thường nghỉ làm / trợ cấp bồi thường nghỉ làm cho nhân viên làm nhiều doanh nghiệp (Mẫu số 8)
4. Đơn yêu cầu chi trả trợ cấp bồi thường tàn tật / trợ cấp bồi thường tàn tật cho nhân viên làm nhiều doanh nghiệp (Mẫu số 10)
5. Đơn yêu cầu chi trả trợ cấp bồi thường người thân hàng năm / trợ cấp bồi thường người thân hàng năm cho nhân viên làm nhiều doanh nghiệp (Mẫu số 12)
6. Đơn yêu cầu chi trả trợ cấp bồi thường người thân một lần / trợ cấp bồi thường người thân một lần cho nhân viên làm nhiều doanh nghiệp (Mẫu số 15)
7. Đơn yêu cầu tiền phúng điếu hoặc trợ cấp mai táng cho nhân viên làm nhiều doanh nghiệp (Mẫu số 16)
8. Đơn yêu cầu chi trả trợ cấp bồi thường hí điều dưỡng / trợ cấp bồi thường chi phí điều dưỡng cho nhân viên làm nhiều doanh nghiệp (Phần 2-2 mẫu số 16)

Ví dụ cách viết đơn yêu cầu trợ cấp điều trị (Mẫu số 5)

Trường hợp tai nạn trên đường đi làm thì dùng phần 3 của mẫu số 16.

Nếu không rõ thì hãy nhờ cơ quan làm việc ghi vào.

Viết theo trình tự là niên hiệu Nhật Bản, năm, tháng.
Niên hiệu: Showa là số 5, Heisei là số 7, Reiwa là số 9.

Nam thì ghi số số "1", và nữ thì ghi số "3"

Ghi họ tên bằng chữ katakana, giữa tên và họ thì cách một ô.

Ghi rõ họ tên, nghề nghiệp của nhân chứng khi xảy ra tai nạn.

- ① Ở đâu
- ② Trong tình trạng như thế nào
- ③ Trong khi làm việc như thế nào
- ④ Nguyên nhân do đâu
- ⑤ Hãy xác nhận tai nạn đã xảy ra như thế nào?

様式第5号(表面) 労働者災害補償保険 復讐業務要因災害用

標準字体 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33 34 35 36 37 38 39 40 41 42 43 44 45 46 47 48 49 50 51 52 53 54 55 56 57 58 59 60 61 62 63 64 65 66 67 68 69 70 71 72 73 74 75 76 77 78 79 80 81 82 83 84 85 86 87 88 89 90 91 92 93 94 95 96 97 98 99 100

標準字体で記入してください。

① 階級 ② 業種別 ③ 保留 ④ 処理

⑤ 性別 ⑥ 労働者の生年月日 ⑦ 負傷又は発病年月日

⑧ 再発年月日

⑨ 三者 ⑩ 特異

⑪ 負傷又は発病の時刻

⑫ 災害発生の事実を確認した者の職

⑬ 災害の原因及び発生状況

⑭ 指定病院等の

⑮ 傷病の部位及び状態

⑯ 事業主の氏名

⑰ 労働者の所属事業場の名称・所在地

⑱ 事業主が証明する事項の記載内容が事実と相違ない旨を証明してください。

上記により療養補償給付又は複数事業労働者療養給付たる療養の給付を請求します。

支不支給決定決議書

署長 副署長 課長 係長 係

調査年月日

復命書番号

決定年月日

不支給の理由

この欄は記入しないでください。

To be filled out by claimant

To be filled out by company

※ Hãy tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý khi nộp hồ sơ neeys không xin được chứng nhận từ công ty

様式第5号(裏面)

②その他の就業先の有無	
有	有の場合のその数 (ただし表面の事業場を含まない)
無	有の場合でいずれかの事業場で特別加入 (ただし表面の事業場を含まない) 労働保険事務組合又は特別加入団体の名称
労働保険番号(特別加入)	加入年月日 年 月 日

Trong trường hợp được tuyển dụng ở nhiều nơi làm việc, hãy khoanh tròn 有 và cho biết số nơi làm việc.

[項目記入にあたっての注意事項]

- 1 記入すべき事項のない欄又は記入枠は空欄のままとし、事項を選択する場合には該当事項で囲んでください。(ただし、③欄並びに⑨及び⑩欄の元号については、該当番号を記入枠に記入してください。)
- 2 ⑩は、災害発生の事実を確認した者(確認した者が多数のときは最初に発見した者)を記載してください。
- 3 傷病補償年金又は複数事業労働者傷病年金の受給権者が当該傷病に係る療養の給付を請求する場合には、労働保険番号欄に左詰めで年金証書番号を記入してください。また、⑨及び⑩は記入しないでください。
- 4 複数事業労働者療養給付の請求は、療養補償給付の支給決定がなされた場合、遡って請求されなかったものとみなされます。
- 5 ②「その他の就業先の有無」欄の記載がない場合又は複数就業していない場合は、複数事業労働者療養給付の請求はないものとして取り扱います。
- 6 疾病に係る請求の場合、脳・心臓疾患、精神障害及びその他二以上の事業の業務を要因とすることが明らかな疾病以外は、療養補償給付のみで請求されることとなります。

Vui lòng hoàn thành trong trường hợp được tuyển dụng ở nhiều nơi làm việc và đã mua bảo hiểm đặc biệt.

[その他の注意事項]

この用紙は、機械によって読取りを行いますので汚したり、穴をあけたり、必要以上に強く折り曲げたり、のりづけしたりしないでください。

派遣元事業主 証明欄	派遣元事業主が証明する事項(表面の⑩、⑰及び⑱)の記載内容について事実と相違ないことを証明します。	
	年 月 日	事業の名称 電話() -
		事業場の所在地 〒 -
		事業主の氏名 (法人その他の団体であるときはその名称及び代表者の氏名)

社会保険 労務士 記載欄	作成年月日・提出代行者・事務代理者の表示	氏名	電話番号
			() -

Ví dụ cách viết đơn yêu cầu trợ cấp chi phí điều trị (Mẫu số 7 (1) (Mặt trước))

Trường hợp tai nạn trên đường đi làm thì dùng phần 5 (1) của mẫu số 16.

Nếu không rõ thì nhờ cơ quan làm việc ghi vào.

Ghi vào theo trình tự là niên hiệu Nhật Bản, năm, tháng. Niên hiệu Nhật Bản: Showa là số 5, Heisei là số 7, Reiwa là số 9.

Ghi họ tên bằng chữ Katakana, giữa họ và tên thì cách 1 ô.

Nam thì ghi số số "1", và nữ thì ghi số "3"

Loại thông thường thì ghi số "1", và loại tạm thời thì ghi số "3"

Các mục ⑯⑰⑱⑲ và mục tên ngân hàng, tên chủ tài khoản ở bên trái thì chỉ cần ghi vào trong trường hợp lần đầu tiên khai báo tài khoản, hoặc thay đổi tài khoản.

Phân xác nhận của chủ doanh nghiệp

Hãy điền theo tình hình y tế

Phản người yêu cầu phải tự viết.

Phản xác nhận của cơ quan y tế

Phản xác nhận của công ty

※ Hãy tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý khi nộp hồ sơ nếu không xin được chứng nhận từ công ty

Đơn yêu cầu trợ cấp điều trị (Mẫu số 7 (1) (Mặt sau)) Ví dụ cách viết

様式第7号(1)(裏面)

(リ) 労働者の所属事業場の名称・所在地 Tên và địa chỉ nơi làm việc	(ヌ) 負傷又は発病の時刻 Sáng Chều Đêm	(ル) 災害発生の事実を確認した者の氏名 Nghề nghiệp Họ tên
(ロ) 災害の原因及び発生状況 (あ) どのような場所で(い) どのような作業をしているときに(う) どのような物又は環境に(え) どのような不安全又は有害な状態があった(お) どのような災害が発生したか(か) ①と②と初診日が異なる場合はその理由を詳細に記入すること		
Nguyên nhân tai nạn và hoàn cảnh xảy ra tai nạn		

Ghi rõ họ tên, nghề nghiệp của nhận chứng khi xảy ra tai nạn.

診療内容	点数(点)	診療内容	金額	摘要
初診 時間外・休日・深夜 外来診療料	10	初診 時間外・休日・深夜 外来診療料	1000	
再診 継続管理加算	5	再診 継続管理加算	500	
外來管理加算	5	外來管理加算	500	
時間外	5	時間外	500	
休日	5	休日	500	
深夜	5	深夜	500	
往診	10	往診	1000	
夜間	5	夜間	500	
緊急・深夜	5	緊急・深夜	500	
在宅患者訪問診療	10	在宅患者訪問診療	1000	
その他	5	その他	500	
薬剤	10	薬剤	1000	
内服薬	10	内服薬	1000	
注射薬	10	注射薬	1000	
外用薬	10	外用薬	1000	
処方	10	処方	1000	
麻酔	10	麻酔	1000	
調剤	10	調剤	1000	
注射	10	注射	1000	
皮膚	10	皮膚	1000	
静脈	10	静脈	1000	
その他	10	その他	1000	
検査	10	検査	1000	
画像	10	画像	1000	
診断	10	診断	1000	
その他	10	その他	1000	
入院	10	入院	1000	
検査	10	検査	1000	
治療	10	治療	1000	
その他	10	その他	1000	
合計	100	合計	10000	

Hãy điền theo tình huống (Chi tiết về phương pháp điều trị và số tiền)

① Ở đâu
② Trong tình trạng như thế nào
③ Trong khi làm việc như thế nào
④ Nguyên nhân do đâu
⑤ Xin hãy xác nhận tai nạn đã xảy ra như thế nào.

② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ ⑪ ⑫ ⑬ ⑭ ⑮ ⑯ ⑰ ⑱ ⑲ ⑳ ㉑ ㉒ ㉓ ㉔ ㉕ ㉖ ㉗ ㉘ ㉙ ㉚ ㉛ ㉜ ㉝ ㉞ ㉟ ㊱ ㊲ ㊳ ㊴ ㊵ ㊶ ㊷ ㊸ ㊹ ㊺	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ ⑪ ⑫ ⑬ ⑭ ⑮ ⑯ ⑰ ⑱ ⑲ ⑳ ㉑ ㉒ ㉓ ㉔ ㉕ ㉖ ㉗ ㉘ ㉙ ㉚ ㉛ ㉜ ㉝ ㉞ ㉟ ㊱ ㊲ ㊳ ㊴ ㊵ ㊶ ㊷ ㊸ ㊹ ㊺
---	---

① Ở đâu
② Trong tình trạng như thế nào
③ Trong khi làm việc như thế nào
④ Nguyên nhân do đâu
⑤ Xin hãy xác nhận tai nạn đã xảy ra như thế nào.

派遣元事業主が証明する事項(表面の①並びに(ヌ)及び(ロ)の記載内容について事実と一致することを証明します。	派遣先事業主証明欄
事業の名称	電話()
事業場の所在地	〒
事業主の氏名	氏名
(法人その他)	代表者の氏名
作成年月日・提出代行者・事務	氏名
社会保険労働士記載欄	電話番号

Trong trường hợp được tuyển dụng ở nhiều nơi làm việc, hãy khoanh tròn 有 và cho biết số nơi làm việc.

Hãy hoàn thành trong trường hợp được tuyển dụng ở nhiều nơi làm việc và đã mua bảo hiểm đặc biệt.

⑨労働者の職種			⑩負傷又は発病の時刻			⑪平均賃金(算定内訳別紙Lのとおり)		
午前 時 分			午後 時 分			円 銭		
⑫所定労働時間			⑬休業補償給付額、休業特 別支給金額の改定比率			⑭平均給与額 (証明書のとおり)		
午前 時 分			午後 時 分			円 銭		
⑯災害の原因、発生状況及び発生当日の就労・療養状況 (あ)どのような場所で(い)どのような作業をしているときに(う)どのような物又は環境に(え)どのような不安全又は有害な状態が(お)どのような災害が発生したか(か)⑮と初診日と災害発生日が同じ場合は当日所定労働時間内に通院したか、⑰と初診日が異なる場合はその理由を詳細に記入すること								

(イ) 基礎年金番号	(ロ) 被保険者資格の取得年月日
	年 月 日
(ハ) 年金の種類	
厚生年金保険法	イロハニ
国民年金法	イロハニ
船員保険法	
障害等級	障害者厚生年金
支給される年金の額	障害者厚生年金
支給されることとなった年月日	障害者基礎年金
基礎年金番号及び厚生年金等の年金証書の年金コード	
所轄年金事務所等	

[注 意]

一、所定労働時間後に負傷した場合(一)及び(二)別紙1(ロ)欄には、平均賃金の算定基礎期間中に養等のために休業した期間(その期間中に養給金が算定される期間)から控除して記載し、その金額が平均賃金の額を超える場合に記載し、控除の内訳を別紙1(ロ)欄に記載してください。

二、別紙2は、⑫欄の「賃金を受けなかった日」の傷又は発病による休業のために所定労働時間の含まれる場合に限り添付してください。

三、別紙2は、⑫欄の「賃金を受けなかった日」の傷又は発病による休業のために所定労働時間の含まれる場合に限り添付してください。

四、別紙3は、⑬欄の「平均給与額」に「(イ)〜(ロ)」を併せた上で記載してください。

五、請求人(申請人)が災害発生日(発病日)に被災し、請求日(申請日)に被災していない場合は、⑬欄に「(イ)被災し、請求日に被災していない」と記載してください。

六、請求人(申請人)が被災し、請求日に被災している場合は、⑬欄に「(イ)被災し、請求日に被災している」と記載してください。

七、請求人(申請人)が被災し、請求日に被災している場合は、⑬欄に「(イ)被災し、請求日に被災している」と記載してください。

八、請求人(申請人)が被災し、請求日に被災している場合は、⑬欄に「(イ)被災し、請求日に被災している」と記載してください。

九、請求人(申請人)が被災し、請求日に被災している場合は、⑬欄に「(イ)被災し、請求日に被災している」と記載してください。

十、請求人(申請人)が被災し、請求日に被災している場合は、⑬欄に「(イ)被災し、請求日に被災している」と記載してください。

Hãy ghi rõ nơi xảy ra tai nạn, chi tiết công việc của bạn vào thời điểm đó và tình hình. Nếu (7), ngày chăm sóc y tế đầu tiên và ngày xảy ra tai nạn đều trong cùng một ngày, hãy nêu rõ nếu bạn đến bệnh viện trong giờ làm việc cố định. Nếu (7) và ngày chăm sóc y tế đầu tiên khác nhau, hãy cho biết lý do.

Chi tiết vào phần này nếu bạn nhận được tiền trợ cấp từ hệ thống bảo hiểm hưu trí phúc lợi, v.v. cho cùng một thương tật, bệnh tật, v.v.

Trong trường hợp được tuyển dụng ở nhiều nơi làm việc, hãy khoanh tròn có và cho biết số nơi làm việc. Cần phải điền các tờ riêng biệt 1 và 3 của Mẫu số 8 cho mỗi nơi làm việc (hoặc Mẫu 16-6 cho tai nạn do làm việc).

Hãy hoàn thành trong trường hợp được tuyển dụng ở nhiều nơi làm việc và đã mua bảo hiểm đặc biệt.

⑮ 其他就業先の有無	
有	有の場合のその数 (ただし表面の事業場を含まない)
無	無
有の場合でいずれかの事業で特別加入している場合の特別加入状況 (ただし表面の事業を含まない)	労働保険事務組合又は特別加入団体の名称
	加入年月日
	年 月 日
	給付基礎日額
	円
	労働保険番号(特別加入)

一、請求申請の場合には、⑯欄については、前回の請求又は申請して記載してください。

二、請求申請は記載する必要はありません。賃金算定内訳は付する必要はありません。

三、請求申請は記載する必要はありません。賃金算定内訳は付する必要はありません。

四、請求申請は記載する必要はありません。賃金算定内訳は付する必要はありません。

五、請求申請は記載する必要はありません。賃金算定内訳は付する必要はありません。

六、請求申請は記載する必要はありません。賃金算定内訳は付する必要はありません。

七、請求申請は記載する必要はありません。賃金算定内訳は付する必要はありません。

八、請求申請は記載する必要はありません。賃金算定内訳は付する必要はありません。

九、請求申請は記載する必要はありません。賃金算定内訳は付する必要はありません。

十、請求申請は記載する必要はありません。賃金算定内訳は付する必要はありません。

社会保険 労務士 記載欄	作成年月日・提出代行者・事務代理者の表示	氏 名	電 話 番 号
			() -

Ví dụ cách viết đơn yêu cầu chi trả bồi thường tàn tật / trợ cấp bồi thường tàn tật cho nhân viên làm nhiều doanh nghiệp (Mẫu số 10)

様式第10号(表面) 業務災害用 労働者災害補償保険 支給請求書

① 労働保険番号 ② 年金証書の番号 ③ 氏名 ④ 負傷又は発病年月日

⑤ 災害の原因及び発生状況 (あ)どのような場所(い)どのような作業をしているときに(う)どのような物又は環境に(え)どのような不安定又は有害な状態があつて(お)どのような災害が発生したかを簡明に記載すること

⑥ 厚年等の年金証書の基礎年金番号・年金コード ⑦ 平均賃金 ⑧ 特別給与の総額(年額)

⑨ 障害の部位及び状態 (診断書のとおり) ⑩ 残存障害がある場合にはその部位及び状態

⑪ 添付する書類名 ⑫ 支店等又は郵便局

⑬ 年金の払戻しを希望する金融機関

⑭ 上記より ⑮ 請求人の住所

⑯ 振込を希望する金融機関の名称 ⑰ 預金の種類及び口座番号

① 労働保険番号 (Mẫu số bảo hiểm tai nạn lao động của người lao động)

② 年金証書の番号 (Số lượng lưu của nhận)

③ 氏名 (Họ tên, (Katakana))

④ 負傷又は発病年月日 (Ngày bị thương hoặc phát bệnh)

⑤ 災害の原因及び発生状況 (Nguyên nhân tai nạn và hoàn cảnh xảy ra tai nạn)

⑥ 厚年等の年金証書の基礎年金番号・年金コード (Số lượng lưu của nhận)

⑦ 平均賃金 (Tiền lương trung bình)

⑧ 特別給与の総額(年額) (Tiền lương đặc biệt trong năm)

⑨ 障害の部位及び状態 (Vị trí và tình trạng của thương tổn cơ sán)

⑩ 残存障害がある場合にはその部位及び状態

⑪ 添付する書類名 (Tên của hồ sơ đính kèm)

⑫ 支店等又は郵便局 (Cơ quan tài chính hoặc bưu điện muốn nhận tiền trợ cấp)

⑬ 年金の払戻しを希望する金融機関 (Tên người yêu cầu phải tự viết)

⑭ 上記より (Phần xác nhận của công ty)

⑮ 請求人の住所 (Thông tin người yêu cầu)

⑯ 振込を希望する金融機関の名称 (Cơ quan tài chính hoặc bưu điện muốn nhận tiền trợ cấp)

⑰ 預金の種類及び口座番号 (Tên chi nhánh)

Trường hợp tai nạn trên đường đi làm thì dùng phần 7 của mẫu số 16.

Nếu không rõ thì hãy nhờ cơ quan làm việc ghi vào.

Hãy xác nhận địa điểm, nội dung công việc, tình trạng khi xảy ra tai nạn

Chỉ viết vào trong trường hợp được chi trả trợ cấp hàng năm của bảo hiểm phúc lợi.v. đối với cùng thương tật và bệnh tật.

Nam thì ghi số số "1", và nữ thì ghi số "3"

Phần người yêu cầu phải tự viết.

Phần xác nhận của công ty

様式第10号(裏面)

⑭その他就業先の有無	
有	有の場合のその数 (ただし表面の事業場を含まない)
無	有の場合でいざい 社 労働保険事務組合又は特別加入団体の名称
労働保険番号(特別加入)	
加入年月日	
年 月 日	
給付基礎日額	
円	

【注意】

- 1 ※印欄には記載しないこと。
- 2 事項を選択する場合には該当する事項を○で囲むこと。
- 3 ③の労働者の「所属事業場名称・所在地」欄には、労働者の直接所属する事業場が一部事務用の取扱を受けている場合に、労働者が直接所属する支店、工事現場等を記載すること。
- 4 ⑦には、平均賃金の算定基礎期間中に業務外の傷病の療養のため休業した期間が含まれている場合に、当該平均賃金に相当する額がその期間の日数及びその期間中の賃金を業務上の傷病の療養のため休業した期間の日数及びその期間中の賃金とみなして算定した平均賃金に相当する額に満たないときは、当該みなして算定した平均賃金に相当する額を記載すること(様式第8号の別紙1に内訳を記載し添付すること。ただし、既に提出されている場合を除く。)
- 5 ⑧には、負傷又は発病の日以前1年間(雇入後1年に満たない者については、雇入後の期間)に支払われた労働基準法第12条第4項の3箇月を超える期間ごとに支払われる賃金の総額を記載すること(様式第8号の別紙1に内訳を記載し添付すること。ただし、既に提出されている場合を除く。)
- 6 請求人(申請人)が傷病補償年金又は複数事業労働者傷病年金を受けていた者であるときは、
 - (1) ①、④及び⑥には記載する必要がないこと。
 - (2) ②には、傷病補償年金又は複数事業労働者傷病年金に係る年金証書の番号を記載すること。
 - (3) 事業主の証明を受ける必要がないこと。
- 7 請求人(申請人)が特別加入者であるときは、
 - (1) ⑦には、その者の給付基礎日額を記載すること。
 - (2) ⑧は記載する必要がないこと。
 - (3) ④及び⑥の事項を証明することができる書類その他の資料を添えること。
 - (4) 事業主の証明を受ける必要がないこと。
- 8 ⑬については、障害補償年金、複数事業労働者障害年金又は障害特別年金の支給を受けることとなる場合において、障害補償年金、複数事業労働者障害年金又は障害特別年金の払渡しを金融機関(郵便貯金銀行の支店等を除く。)から受けることを希望する者にあつては「金融機関(郵便貯金銀行の支店等を除く。)」欄に、障害補償年金、複数事業労働者障害年金又は障害特別年金の払渡しを郵便貯金銀行の支店等又は郵便局から受けることを希望する者にあつては「郵便貯金銀行の支店等又は郵便局」欄に、それぞれ記載すること。
なお、郵便貯金銀行の支店等又は郵便局から払渡しを受けることを希望する場合であつて振込によらないときは、「預金通帳の記号番号」の欄は記載する必要はないこと。
- 9 「個人番号」の欄については、請求人(申請人)の個人番号を記載すること。
- 10 本件手続を社会保険労務士に委託する場合は、「請求人(申請人)の氏名」欄の下の口にレ点を記入すること。
- 11 ⑭「その他就業先の有無」で「有」に○を付けた場合は、様式第8号の別紙3をその他就業先ごとに記載すること。その際、その他就業先ごとに様式第8号の別紙1を記載し添付すること。なお、既に他の保険給付の請求において記載している場合は、記載する必要がないこと。
- 12 複数事業労働者障害年金の請求は、障害補償年金の支給決定がなされた場合、遡って請求されなかったものとみなされること。
- 13 ⑭「その他就業先の有無」欄の記載がない場合又は複数就業していない場合は、複数事業労働者障害年金の請求はないものとして取り扱うこと。
- 14 疾病に係る請求の場合、脳・心臓疾患、精神障害及びその他二以上の事業の業務を要因とすることが明らかな疾病以外は、障害補償年金のみで請求されることとなること。

Trong trường hợp được tuyển dụng ở nhiều nơi làm việc, hãy khoanh tròn 有 và cho biết số nơi làm việc.
Cần phải điền các tờ riêng biệt 1 và 3 của Mẫu số 8 cho mỗi nơi làm việc (hoặc Mẫu 16-6 cho tai nạn do làm việc). Tuy nhiên, điều đó là không cần thiết nếu bạn đã nộp tờ khai riêng 1 và 3 khi yêu cầu trợ cấp (bồi thường) nghỉ làm.v.

Hãy hoàn thành trong trường hợp được tuyển dụng ở nhiều nơi làm việc và đã mua bảo hiểm đặc biệt.

社会保険 労務士 記載欄	作成年月日・提出代行者・事務代理者の表示	氏名	電話番号
			() —

Ví dụ cách viết của đơn yêu cầu chi trả trợ cấp bồi thường người thân hàng năm / trợ cấp bồi thường người thân hàng năm cho nhân viên làm nhiều doanh nghiệp (Mẫu số 12)

Trường hợp tai nạn trên đường đi làm thì dùng phần 8 của mẫu số 16.

Nam thì khoan tròn vào "男", và nữ thì khoan tròn vào "女".

Nếu không rõ thì nhờ cơ quan làm việc ghi vào.

Hãy xác nhận địa điểm, nội dung công việc, tình trạng khi xảy ra tai nạn

Chỉ viết vào trong trường hợp được chi trả trợ cấp hàng năm của bảo hiểm phúc lợi v. đối với cùng thương tật và bệnh tật.

Hãy viết rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ của người yêu cầu, quan hệ với người bị nạn, có tồn tại hay không.

Ghi rõ người thân cụ thể nhận trợ cấp bồi thường người thân hàng năm, ngoài người yêu cầu.

Nếu có tồn tại thì khoan tròn vào "ある", nếu không có thì khoan tròn vào "ない".

Bạn có phải là người chi trả sinh hoạt không? Nếu phải thì khoan tròn "いる", nếu không phải thì khoan tròn vào "いない".

様式第12号 (表面)

業務災害用 複数業務要因災害用 労働者災害補償保険 支給請求書

① 労働保険番号 (フリガナ) ② 氏名 (フリガナ) ③ 氏名 (カタカナ) ④ 負傷又は発病年月日

⑤ 生年月日 (年齢) ⑥ 死に発病後 年月日 (発病後) ⑦ 平均賃金

⑧ 特別給与の総額 (年額) ⑨ 死亡年月日 (年齢) ⑩ 死亡後 年月日 (発病後)

⑪ 平均賃金

⑫ 被災の原因及び発生状況 (あ)どのような場所で(い)どのような作業をしているときに(う)どのような物又は環境に(え)どのような不安全な又は有害な状態があつて(お)どのような災害が発生したかを簡明に記載すること

Nguyên nhân tai nạn và hoàn cảnh xảy ra tai nạn

死亡労働者の厚年等の年金証書の基礎年金番号・年金コード (あ) 死亡労働者の厚年等の年金証書の基礎年金番号・年金コード (い) 死亡労働者の厚年等の年金証書の基礎年金番号・年金コード (う) 死亡労働者の厚年等の年金証書の基礎年金番号・年金コード (え) 死亡労働者の厚年等の年金証書の基礎年金番号・年金コード (お) 死亡労働者の厚年等の年金証書の基礎年金番号・年金コード

⑬ 支給される年金の種類 (イ) 遺族年金 (ロ) 遺族厚生年金 (ハ) 遺児年金 (ニ) 寡婦年金 (ホ) 遺族基礎年金 (ヘ) 船員保険法の遺族年金 (ヘ) 船員保険法の遺族年金 (ヘ) 船員保険法の遺族年金

⑭ 支給されることとなった年月日 (年) (月) (日) ⑮ 厚年等の年金証書の基礎年金番号・年金コード (複数のコードがある場合は下段に記載すること。)

⑯ 請求人 (フリガナ) ⑰ 生年月日 ⑱ 住所 (フリガナ) ⑲ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

⑳ 氏名 (フリガナ) ㉑ 生年月日 ㉒ 住所 (フリガナ) ㉓ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉔ 氏名 (フリガナ) ㉕ 生年月日 ㉖ 住所 (フリガナ) ㉗ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉘ 氏名 (フリガナ) ㉙ 生年月日 ㉚ 住所 (フリガナ) ㉛ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉜ 氏名 (フリガナ) ㉝ 生年月日 ㉞ 住所 (フリガナ) ㉟ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊱ 添付する書類その他の資料名 (フリガナ) ㊲ 住所 (フリガナ) ㊳ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊴ 住所 (フリガナ) ㊵ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊶ 住所 (フリガナ) ㊷ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊸ 住所 (フリガナ) ㊹ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊺ 住所 (フリガナ) ㊻ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊼ 住所 (フリガナ) ㊽ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊾ 住所 (フリガナ) ㊿ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊿ 住所 (フリガナ) 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

⑬ 添付する書類その他の資料名 (フリガナ) ⑭ 住所 (フリガナ) ⑮ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

⑯ 住所 (フリガナ) ⑰ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

⑱ 住所 (フリガナ) ⑲ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

⑳ 住所 (フリガナ) ㉑ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉒ 住所 (フリガナ) ㉓ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉔ 住所 (フリガナ) ㉕ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉖ 住所 (フリガナ) ㉗ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉘ 住所 (フリガナ) ㉙ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉚ 住所 (フリガナ) ㉛ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉜ 住所 (フリガナ) ㉝ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉞ 住所 (フリガナ) ㉟ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊱ 住所 (フリガナ) ㊲ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊳ 住所 (フリガナ) ㊴ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊵ 住所 (フリガナ) ㊶ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊷ 住所 (フリガナ) ㊸ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊹ 住所 (フリガナ) ㊺ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊻ 住所 (フリガナ) ㊼ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊽ 住所 (フリガナ) ㊾ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊿ 住所 (フリガナ) 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

上記により ⑬ 添付する書類その他の資料名 (フリガナ) ⑭ 住所 (フリガナ) ⑮ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

⑯ 住所 (フリガナ) ⑰ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

⑱ 住所 (フリガナ) ⑲ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

⑳ 住所 (フリガナ) ㉑ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉒ 住所 (フリガナ) ㉓ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉔ 住所 (フリガナ) ㉕ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉖ 住所 (フリガナ) ㉗ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉘ 住所 (フリガナ) ㉙ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉚ 住所 (フリガナ) ㉛ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉜ 住所 (フリガナ) ㉝ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉞ 住所 (フリガナ) ㉟ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊱ 住所 (フリガナ) ㊲ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊳ 住所 (フリガナ) ㊴ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊵ 住所 (フリガナ) ㊶ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊷ 住所 (フリガナ) ㊸ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊹ 住所 (フリガナ) ㊺ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊻ 住所 (フリガナ) ㊼ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊽ 住所 (フリガナ) ㊾ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊿ 住所 (フリガナ) 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

特別支給金について振込を希望する金融機関の名称 (フリガナ) ⑰ 住所 (フリガナ) ⑱ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

⑲ 住所 (フリガナ) ⑳ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉑ 住所 (フリガナ) ㉒ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉓ 住所 (フリガナ) ㉔ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉕ 住所 (フリガナ) ㉖ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉗ 住所 (フリガナ) ㉘ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉙ 住所 (フリガナ) ㉚ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉛ 住所 (フリガナ) ㉜ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉝ 住所 (フリガナ) ㉞ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉞ 住所 (フリガナ) ㉟ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊱ 住所 (フリガナ) ㊲ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊳ 住所 (フリガナ) ㊴ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊵ 住所 (フリガナ) ㊶ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊷ 住所 (フリガナ) ㊸ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊹ 住所 (フリガナ) ㊺ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊻ 住所 (フリガナ) ㊼ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊽ 住所 (フリガナ) ㊾ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊿ 住所 (フリガナ) 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

特別支給金について振込を希望する金融機関の名称 (フリガナ) ⑰ 住所 (フリガナ) ⑱ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

⑲ 住所 (フリガナ) ⑳ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉑ 住所 (フリガナ) ㉒ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉓ 住所 (フリガナ) ㉔ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉕ 住所 (フリガナ) ㉖ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉗ 住所 (フリガナ) ㉘ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉙ 住所 (フリガナ) ㉚ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉛ 住所 (フリガナ) ㉜ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉝ 住所 (フリガナ) ㉞ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㉞ 住所 (フリガナ) ㉟ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊱ 住所 (フリガナ) ㊲ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊳ 住所 (フリガナ) ㊴ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊵ 住所 (フリガナ) ㊶ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊷ 住所 (フリガナ) ㊸ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊹ 住所 (フリガナ) ㊺ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊻ 住所 (フリガナ) ㊼ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊽ 住所 (フリガナ) ㊾ 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

㊿ 住所 (フリガナ) 請求人 (申請人) 氏名 (フリガナ)

Phần người yêu cầu phải tự viết.

Phần xác nhận của công ty

様式第12号(裏面)

⑩その他就業先の有無	
有	有の場合のその数 (ただし表面の事業場を含まない)
無	社 (ただし表面の事業場を含まない)
労働保険番号(特別加入)	加入年月日 年 月 日
	給付基礎日額 円

(注意)

- ※印欄には記載しないこと。
- 事項を選択する場合には該当する事項を○で囲むこと。
- ③の死亡労働者の「所属事業場名称・所在地」欄には、死亡労働者が直接所属していた事業場が一括適用の取扱いを受けている場合に、死亡労働者が直接所属していた支店、工事現場等を記載すること。
- ⑦には、平均賃金の算定基礎期間中に業務外の傷病の療養のため休業した期間が含まれている場合に、当該平均賃金に相当する額がその期間の日数及びその期間中の賃金を業務上の傷病の療養のため休業した期間の日数及びその期間中の賃金とみなして算定した平均賃金に相当する額に満たないときは、当該平均賃金に相当する額を記載すること(様式第8号の別紙1に内訳を記載し添付すること。ただし、既に提出されている場合を除く。)
- ⑧には負傷又は発病の日以前1年間(雇入後1年に満たない者については、雇入後の期間)に支払われた労働基準法第12条第4項の3箇月を超える期間ごとに支払われる賃金の総額を記載すること(様式第8号の別紙1に内訳を記載し添付すること。ただし、既に提出されている場合を除く。)
- 死亡労働者が傷病補償年金又は複数事業労働者傷病年金を受けていた場合には、
 - ①、④及び⑥には記載する必要がないこと。
 - ②には、傷病補償年金又は複数事業労働者傷病年金に係る年金証書の番号を記載すること。
 - 事業主の証明を受ける必要がないこと。
- 死亡労働者が特別加入者であった場合には、
 - ⑦にはその者の給付基礎日額を記載すること。
 - ⑧は記載する必要がないこと。
 - ④及び⑥の事項を証明することができる書類その他の資料を添えること。
 - 事業主の証明を受ける必要がないこと。
- ⑨から⑫までに記載することができない場合には、別紙を付けて所要の事項を記載すること。
- この請求書(申請書)には、次の書類その他の資料を添えること。ただし、個人番号が未提出の場合を除き、(2)、(3)及び(5)の書類として住民票の写しを添える必要はないこと。
 - 労働者の死亡に関して市町村長に提出した死亡診断書、死体検案書若しくは検視調査に記載してある事項についての市町村長の証明書又はこれに代わるべき書類
 - 請求人(申請人)及び請求人(申請人)以外の遺族補償年金又は複数事業労働者遺族年金を受けることができる遺族と死亡労働者との身分関係を証明することができる戸籍の謄本又は抄本(請求人(申請人)又は請求人(申請人)以外の遺族補償年金又は複数事業労働者遺族年金を受けることができる遺族が死亡労働者と婚姻の届出をしていないが事実上婚姻関係と同様の事情にあつた者であるときは、その事実を証明することができる書類)
 - 請求人(申請人)及び請求人(申請人)以外の遺族補償年金又は複数事業労働者遺族年金を受けることができる遺族(労働者の死亡の当時胎児であつた子を除く。)が死亡労働者の収入によって生計を維持していたことを証明することができる書類
 - 請求人(申請人)及び請求人(申請人)以外の遺族補償年金又は複数事業労働者遺族年金を受けることができる遺族のうち労働者の死亡の時から引き続き障害の状態にある者については、その事実を証明することができる医師又は歯科医師の診断書その他の資料
 - 請求人(申請人)以外の遺族補償年金又は複数事業労働者遺族年金を受けることができる遺族のうち、請求人(申請人)と生計を同じくしている者については、その事実を証明することができる書類
 - 障害の状態にある妻については、労働者の死亡の時に以後障害の状態にあつたこと及びその障害の状態が生じ、又はその事情がなくなった時を証明することができる医師又は歯科医師の診断書その他の資料
- ⑬については、次により記載すること。
 - 遺族補償年金又は複数事業労働者遺族年金の支給を受けることとなる場合において、遺族補償年金又は複数事業労働者遺族年金の払渡しを金融機関(郵便貯金銀行の支店等を除く。)から受けることを希望する者にあつては「金融機関(郵便貯金銀行の支店等を除く。)」欄に、遺族補償年金又は複数事業労働者遺族年金の払渡しを郵便貯金銀行の支店等又は郵便局から受けることを希望する者にあつては「郵便貯金銀行の支店等又は郵便局」欄に、それぞれ記載すること。
なお、郵便貯金銀行の支店等又は郵便局から払渡しを受けることを希望する場合であつて振込によらないときは、「預金通帳の記号番号」の欄は記載する必要はないこと。
 - 請求人(申請人)が2人以上ある場合において代表者を選任しないときは、⑩の最初の請求人(申請人)について記載し、その他の請求人(申請人)については別紙を付けて所要の事項を記載すること。
- 「個人番号」の欄については、請求人(申請人)の個人番号を記載すること。
- 本件手続を社会保険労務士に委託する場合は、「請求人(申請人)の氏名」欄の下の□にレ点を記入すること。
- ⑩「その他就業先の有無」で「有」に○を付けた場合は、様式第8号の別紙3をその他就業先ごとに記載すること。その際、その他就業先ごとに様式第8号の別紙1を記載し添付すること。なお、既に他の保険給付の請求において記載している場合は、記載の必要がないこと。
- 複数事業労働者遺族年金の請求は、遺族補償年金の支給決定がなされた場合、遡って請求されなかったものとみなされること。
- ⑩「その他就業先の有無」欄の記載がない場合又は複数就業していない場合は、複数事業労働者遺族年金の請求はないものとして取り扱うこと。

Trong trường hợp được tuyển dụng ở nhiều nơi làm việc, hãy khoanh tròn 有 và cho biết số nơi làm việc.
Cần phải điền các tờ riêng biệt 1 và 3 của Mẫu số 8 cho mỗi nơi làm việc (hoặc Mẫu 16-6 cho tai nạn do làm việc). Tuy nhiên, điều đó là không cần thiết nếu bạn đã nộp tờ khai riêng 1 và 3 khi yêu cầu trợ cấp (bồi thường) nghỉ làm v.v.

Hãy hoàn thành trong trường hợp được tuyển dụng ở nhiều nơi làm việc và đã mua bảo hiểm đặc biệt.

社会保険 労務士 記載欄	作成年月日・提出代行者・事務代理者の表示	氏名	電話番号
			() —

Ví dụ cách viết đơn yêu cầu chi trả trợ cấp bồi thường người thân một lần / trợ cấp bồi thường người thân một lần cho nhân viên làm nhiều doanh nghiệp (Mẫu số 15)

様式第15号(表面)

労働者災害補償保険
遺族補償一時金
遺族特別支給金
遺族特別一時金
支給請求書
支給申請書

Nam thì ghi số số “1”, và nữ thì ghi số “3”

Trường hợp tai nạn trên đường đi làm thì dùng phần 7 của mẫu số 16.

Nếu không rõ thì hãy nhờ cơ quan làm việc ghi vào.

Hãy xác nhận địa điểm, nội dung công việc, tình trạng khi xảy ra tai nạn

Chỉ viết vào trong trường hợp được chi trả trợ cấp hàng năm của bảo hiểm phúc lợi.v. đối với cùng thương tật và bệnh tật.

① 労働保険番号		フリガナ		③ 負傷又は発病年月日	
所屬 所 管 署	基幹番号	枝番号	氏名 (男・女)	年 月 日	午後 時 分
② 年金証書の番号		労働 備 考	職業 種	⑤ 死亡年月日	⑦ 平均賃金
種別	西暦年	番 号	支 所 在 地	年 月 日	円 銭
④ 災害の原因及び発生状況 (あ) どのような場所(い) どのような作業をしているときに(う) どのような物又は環境に(え) どのような不安全な又は有害な状態があつて(お) どのような災害が発生したかを簡明に記載すること					⑧ 特別給与の総額(年額) 円
⑥ 原状(あ) どのような場所(い) どのような作業をしているときに(う) どのような物又は環境に(え) どのような不安全な又は有害な状態があつて(お) どのような災害が発生したかを簡明に記載すること					
⑨ 特別給与の総額(年額) 円					
この者については、④及び⑥から⑧までに記載したとおりであることを証明します。					
Phần dành cho xác nhận của chủ sử dụng lao động					
事業主の氏名 (法人その他の団体であるときはその名称及び代表者の氏名)					
フリガナ 生年月日 フリガナ 生 所 死亡労働者との関係 請求人(申請人)の代表者を選任しないときはその理由					
Ho tên Ngày tháng năm sinh Địa chỉ Quan hệ với công nhân					
フリガナ 生年月日 フリガナ 生 所 死亡労働者との関係 請求人(申請人)の代表者を選任しないときはその理由					
Ho tên Ngày tháng năm sinh Địa chỉ Quan hệ với công nhân					
フリガナ 生年月日 フリガナ 生 所 死亡労働者との関係 請求人(申請人)の代表者を選任しないときはその理由					
Ho tên Ngày tháng năm sinh Địa chỉ Quan hệ với công nhân					
フリガナ 生年月日 フリガナ 生 所 死亡労働者との関係 請求人(申請人)の代表者を選任しないときはその理由					
Ho tên Ngày tháng năm sinh Địa chỉ Quan hệ với công nhân					
フリガナ 生年月日 フリガナ 生 所 死亡労働者との関係 請求人(申請人)の代表者を選任しないときはその理由					
Ho tên Ngày tháng năm sinh Địa chỉ Quan hệ với công nhân					
⑩ 添付する書類その他の資料名 Tên hồ sơ đính kèm					
上記により 遺族補償一時金 遺族特別支給金 遺族特別一時金 の支給を請求します。 の支給を申請します。					
Ngày nộp đơn			Mã số bưu điện Điện thoại		
年 月 日			〒 _____ 電() _____ 友		
労働基準監督署長 殿			請求人 申請人 (代表者) の 住所		
Cơ quan tài chính hoặc ban điện muốn nhận tiền trợ cấp			氏名 Ho tên		
Tên 銀行・金融 機関・漁協・信組			預金の種類及び口座番号		
Chi nhánh 本店・本所 出張所 支店・支所			普通・当座 簡易 貯蓄		
			Số tài khoản 口座名義人 Tên chủ tài khoản		

Phần người yêu cầu phải tự viết.

Phần xác nhận của công ty

様式第15号(裏面)

⑩その他就業先の有無	
有	有の場合のその数 (ただし表面の事業場を含まない)
無	社 (ただし表面の事業を含まない) 労働保険事務組合又は特別加入団体の名称
労働保険番号(特別加入)	加入年月日 年 月 日
	給付基礎日額 円

[注意]

- 1 事項を選択する場合には該当する事項を○で囲むこと。
- 2 ②には、死亡労働者の傷病補償年金又は複数事業労働者傷病年金に係る年金証書の番号を記載すること。
- 3 ③の死亡労働者の所属事業場名称・所在地欄には、死亡労働者が直接所属していた事業場が一括適用の取扱いを受けていない場合に、死亡労働者が直接所属していた支店、工事現場等を記載すること。
- 4 平均賃金の算定基礎期間中に業務外の傷病の療養のため休業した期間が含まれている場合に、当該平均賃金に相当する額がその期間中の賃金及びその期間中の賃金を業務上の傷病の療養のため休業した期間の日数及びその期間中の賃金とみなして算定した平均賃金に相当する額に満たないときは、⑦を算定した平均賃金に相当する額を⑦に記載すること。
- 5 ⑧には負傷又は発病の日以前1年間(雇入後1年に満たない者については雇入後の期間)に支払われた労働基準法第12条第4項の3箇月を超える期間に支払われる賃金の総額を記載すること。
- 6 死亡労働者が休業補償給付、複数事業労働者休業給付及び休業特別支給金の支給を受けていなかった場合又は死亡労働者に関し遺族補償年金又は複数事業労働者遺族年金が支給されていなかった場合には、⑦の平均賃金の算定内訳及び⑧の特別給付の総額(年額)の算定内訳を別紙(様式第8号の別紙1)に内訳を記載し使用すること。ただし、既に提出されている場合を除く。
- 7 死亡労働者に関し遺族補償年金若しくは複数事業労働者遺族年金が支給されていた場合又は死亡労働者が傷病補償年金若しくは複数事業労働者傷病年金を受けていた場合には、
 - (1) ①、④及び⑥には記載する必要がないこと。
 - (2) 事業主の証明は受ける必要がないこと。
- 8 死亡労働者が特別加入者であった場合には、
 - (1) ⑦にはその者の給付基礎日額を記載すること。
 - (2) ⑧には記載する必要がないこと。
 - (3) 事業主の証明は受ける必要がないこと。
- 9 ⑨及び⑩の欄に記載することができない場合には、別紙を付して所要の事項を記載すること。
- 10 この請求書(申請書)には、次の書類を添えること。
 - (1) 請求人(申請人)が死亡した労働者と婚姻の届出をしていないが事実上婚姻関係と同様の事情にあつた者であるときは、その事実を証明することができる書類
 - (2) 請求人(申請人)が死亡した労働者の収入によって生計を維持していた者であるときは、その事実を証明することができる書類
 - (3) 労働者の死亡の当時遺族補償年金又は複数事業労働者遺族年金を受けることができる遺族がない場合の遺族補償一時金若しくは複数事業労働者遺族一時金の支給の請求又は遺族特別一時金の支給の申請であるときは、次の書類
 - イ 労働者の死亡に関して市町村長に提出した死亡診断書、死体検案書若しくは検視調書に記載してある事項についての市町村長の証明書又はこれに代わるべき書類
 - ロ 請求人(申請人)と死亡した労働者との身分関係を証明することができる戸籍の謄本又は抄本(1)の書類を添付する場合を除く。)
 - (4) 遺族補償年金又は複数事業労働者遺族年金を受ける権利を有する者の権利が消滅し、他に遺族補償年金又は複数事業労働者遺族年金を受けることができる遺族がない場合の遺族補償一時金若しくは複数事業労働者遺族一時金の支給の請求又は遺族特別一時金の支給の申請であるときは、(3)のロの書類(1)の書類を添付する場合を除く。)
- 11 死亡労働者が特別加入者であった場合には、④及び⑥の事項を証明することができる書類その他の資料を添えること。
- 12 ⑩の「その他就業先の有無」で「有」に○を付けた場合は、様式第8号の別紙3をその就業先ごとに記載すること。その際、その就業先ごとに様式第8号の別紙1を記載し添付すること。なお、既に他の保険給付の請求において記載している場合は、記載の必要がないこと。
- 13 複数事業労働者遺族一時金の請求は、遺族補償一時金の支給決定がなされた場合、遡って請求されなかったものとみなされること。
- 14 ⑩「その他就業先の有無」欄の記載がない場合又は複数就業していない場合は、複数事業労働者遺族一時金の請求はないものとして取り扱うこと。

Trong trường hợp được tuyển dụng ở nhiều nơi làm việc, hãy khoanh tròn 有 và cho biết số nơi làm việc.
Cần phải điền các tờ riêng biệt 1 và 3 của Mẫu số 8 cho mỗi nơi làm việc (hoặc Mẫu 16-6 cho tai nạn do làm việc).
Tuy nhiên, điều đó là không cần thiết nếu bạn đã nộp tờ khai riêng 1 và 3 khi yêu cầu trợ cấp (bồi thường) nghỉ làm.v.v.

Hãy hoàn thành trong trường hợp được tuyển dụng ở nhiều nơi làm việc và đã mua bảo hiểm đặc biệt.

社会保険 労働士 記載欄	作成年月日・提出代行者・事務代理者の表示	氏名	電話番号
			() —

Ví dụ cách viết đơn yêu cầu tiền phúng điếu hoặc trợ cấp mai táng cho nhân viên làm nhiều doanh nghiệp (Mẫu số 16)

様式第16号(表面)
業務災害用
複数業務要因災害用

労働者災害補償保険
葬祭料又は複数事業労働者葬祭給付請求書

Trường hợp tai nạn trên đường đi làm thì dùng phần 10 của mẫu số 16.

Nam thì khoanh tròn vào “男”, và nữ thì khoanh tròn vào “女”.

① 労働保険番号					③ フリガナ		氏名		Họ tên (Katakana)		
府県	所掌	管轄	基幹番号	枝番号	請	氏	名				
Số bảo hiểm tai nạn lao động của người lao động					求	住	所	Địa chỉ			
② 年金証書の番号					人	の	死亡労働者との関係	Quan hệ với công nhân			
管轄局	種別	西暦年	番 号								
④ フリガナ		氏名		Họ tên (Katakana)		(男・女)		⑤ 負傷又は発病年月日			
死亡	生年月日	Ngày tháng năm sinh		年	月	日 (Tuổi 歳)	Ngày bị thương hoặc phát bệnh				
労働者	職 種	Ngành nghề						午 前後 時 分 頃			
者の	所属事業場名称所在地	Địa chỉ						⑦ 死 亡 年 月 日			
⑥ 災害の原因及び発生状況					(あ)どのような場所で(い)どのような作業をしているときに(う)どのような物又は環境に(え)どのような不安全な又は有害な状態が(お)どのような災害が発生したかを簡明に記載すること					⑧ 平 均 賃 金	
Nguyên nhân tai nạn và hoàn cảnh xảy ra tai nạn										Tiền lương trung bình	
Hãy xác nhận địa điểm, nội dung công việc, tình trạng khi xảy ra tai nạn										円 銭	
④の者については、⑤、⑥及び⑧に記載したとおりであることを証明します。											
事業の名称											
年 Phân danh cho xác nhận của chủ sử dụng lao động 日											
事業場の所在地											
事業主の氏名											
(法人その他の団体であるときはその名称及び代表者の氏名)											
⑨ 添付する書類その他の資料名					Tên hồ sơ đính kèm						
上記により葬祭料又は複数事業労働者葬祭給付の支給を請求します。											
Ngày nộp đơn					年 月 日		Mã số bưu điện		Điện thoại		
Thông tin người yêu cầu					住所		Địa chỉ		氏名		
労働基準監督署長 殿					氏名		Họ tên				
Cơ quan tài chính hoặc bưu điện muốn nhận tiền tài trợ											
振込を希望する金融機関の名称					Tên			銀行・金庫			
Tên chi nhánh					本店・本所 出張所			預金の種類及び口座番号			
農協・漁協・信組					支店・支所			普通・当座 第 号			
Số tài khoản					口座名義人			Tên chủ tài khoản			

Phần người yêu cầu phải tự viết.

Phần xác nhận của công ty

様式第16号(裏面)

㊸その他就業先の有無	
有	有の場合のその数 (ただし表面の事業場を含まない)
無	有の場合でいずれかの事業で特別加入している場合の特別加入状況 (ただし表面の事業を含まない)
労働保険番号(特別加入)	
加入年月日 年 月	
給付基礎日額 円	

Trong trường hợp được tuyển dụng ở nhiều nơi làm việc, hãy khoanh tròn 有 và cho biết số nơi làm việc.
Cần phải điền các tờ riêng biệt 1 và 3 của Mẫu số 8 cho mỗi nơi làm việc (hoặc Mẫu 16-6 cho tai nạn do làm việc).
Tuy nhiên, điều đó là không cần thiết nếu bạn đã nộp tờ khai riêng 1 và 3 khi yêu cầu trợ cấp (bồi thường) nghỉ làm.v.v.

- 【注意】
1. 事項を選択する場合には該当する事項を○で囲むこと。
 2. ㊸には、死亡労働者の傷病補償年金又は複数事業労働者傷病年金に係る年金証書の番号を記載すること。
 3. ㊸の死亡労働者の所属事業場名称・所在地欄には、死亡労働者が直接所属していた事業場が一括記載の取扱いを受けている場合に、死亡労働者が直接所属していた支店、工事現場等を記載すること。
 4. 平均賃金の算定基礎期間中に業務外の傷病の療養のため休業した期間が含まれている場合に、当該平均賃金に相当する額がその期間の日数及びその期間中の賃金とみなして算定した平均賃金に満たないときは、当該みなして算定した平均賃金に相当する額を㊸に記載すること。(様式第8号の別紙1に内訳を記載し添付すること。ただし、既に提出されている場合を除く。)
 5. 死亡労働者に関し遺族補償給付若しくは複数事業労働者遺族給付が支給されていた場合又は死亡労働者が傷病補償年金若しくは複数事業労働者傷病年金を受けていた場合には、㊸、㊹及び㊺は記載する必要がないこと。事業主の証明は受ける必要がないこと。
 6. 死亡労働者が特別加入者であった場合は、㊸にはその者の給付基礎日額を記載すること。
 7. この請求書には、労働者の死亡に関して市町村長に提出した死亡診断書、死体検案書若しくは検視調書に記載してある事項についての市町村長の証明書又はこれに代わるべき書類を添付すること。
 8. 死亡労働者が特別加入者であった場合には、㊹及び㊺の事項を証明することができる書類を添付すること。
 9. 遺族補償給付又は複数事業労働者遺族給付の支給の請求書が提出されている場合には、7及び8による書類の添付は必要でないこと。
 10. ㊸の「その他就業先の有無」で「有」に○を付けた場合は、様式第8号の別紙3をその他就業先ごとに記載すること。その際、その他就業先ごとに様式第8号の別紙1を記載し添付すること。なお、既に他の保険給付の請求において記載している場合は、記載の必要がないこと。
 11. 複数事業労働者葬祭給付の請求は、葬祭料の支給決定がなされた場合、遡って請求されなかったものとみなされること。
 12. ㊸「その他就業先の有無」欄の記載がない場合又は複数就業していない場合は、複数事業労働者葬祭給付の請求はないものとして取り扱うこと。

Hãy hoàn thành trong trường hợp được tuyển dụng ở nhiều nơi làm việc và đã mua bảo hiểm đặc biệt.

社会保険 労務士 記載欄	作成年月日・提出代行者・事務代理者の表示	氏名	電話番号
			() —

Các loại và nơi gửi các mẫu đơn yêu cầu của các trợ cấp

Loại trợ cấp	Loại tai nạn khi đang làm việc, do nhiều công việc hoặc trên đường đi làm	Tên đơn yêu cầu	Mã số đơn	Nơi gửi
Trợ cấp (bồi thường) v.v. điều trị	Tai nạn khi đang làm việc, tai nạn do nhiều công việc	Đơn yêu cầu trợ cấp hí điều trị đủ điều kiện trợ cấp bồi thường điều trị và bồi thường điều trị cho nhân viên làm nhiều nơi	Số 5	Trưởng Bộ phận Giám sát Tiêu chuẩn Lao động có liên quan, thông qua bệnh viện hay hiệu thuốc
	Tai nạn trên đường đi làm	Đơn yêu cầu trợ cấp phí điều trị đủ điều kiện trợ cấp bồi thường điều trị	Phần 3 số 16	
	Tai nạn khi đang làm việc, tai nạn do nhiều công việc	Đơn yêu cầu chi phí điều trị đủ điều kiện trợ cấp bồi thường điều trị và bồi thường điều trị cho nhân viên làm nhiều nơi	Số 7	Bộ phận Giám sát Tiêu chuẩn Lao động có liên quan
	Tai nạn trên đường đi làm	Đơn yêu cầu chi phí điều trị đủ điều kiện trợ cấp điều trị	Phần 5 số 16	
Trợ cấp (bồi thường) v.v. nghỉ làm	Tai nạn khi đang làm việc, tai nạn do nhiều công việc	Đơn yêu cầu chi trả trợ cấp bồi thường nghỉ làm và trợ cấp nghỉ làm cho nhân viên làm nhiều nơi	Số 8	
	Tai nạn trên đường đi làm	Đơn yêu cầu chi trả trợ cấp bồi thường tàn tật	Phần 6 số 16	
Trợ cấp (bồi thường) v.v. tàn tật	Tai nạn khi đang làm việc, tai nạn do nhiều công việc	Đơn yêu cầu chi trả trợ cấp bồi thường tàn tật và trợ cấp tàn tật cho nhân viên làm nhiều nơi	Số 10	
	Tai nạn trên đường đi làm	Đơn yêu cầu chi trả trợ cấp bồi thường tàn tật	Phần 7 số 16	
Trợ cấp (bồi thường) v.v. người thân	Tai nạn khi đang làm việc, tai nạn do nhiều công việc	Đơn yêu cầu chi trả trợ cấp bồi thường người thân hàng năm và trợ cấp người thân hàng năm cho nhân viên làm nhiều nơi	Số 12	
	Tai nạn trên đường đi làm	Đơn yêu cầu chi trả trợ cấp hàng năm	Phần 8 số 16	
	Tai nạn khi đang làm việc, tai nạn do nhiều công việc	Đơn yêu cầu chi trả trợ cấp bồi thường người thân một lần và trợ cấp người thân một lần cho nhân viên làm nhiều nơi	Số 15	
	Tai nạn trên đường đi làm	Đơn yêu cầu chi trả trợ cấp người thân một lần	Phần 9 số 16	
Tiền húng điếu v.v. (trợ cấp mai táng)	Tai nạn khi đang làm việc, tai nạn do nhiều công việc	Đơn yêu cầu tiền phúng điếu và trợ cấp phúng điếu cho nhân viên làm nhiều nơi	Số 16	
	Tai nạn trên đường đi làm	Đơn yêu cầu chi trả mai táng	Phần 10 số 16	
Trợ cấp (bồi thường) v.v. điều dưỡng		Đơn yêu cầu chi trả trợ cấp bồi thường điều dưỡng và trợ cấp điều dưỡng cho nhân viên làm nhiều nơi, đơn yêu cầu chi trả trợ cấp điều dưỡng	Mục 2 của phần 2 số 16	